

Số: /TTr-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

Về việc ban hành Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg ngày 06/03/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ quy định tại khoản 7, Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại tiết b, điểm 3, Mục II Quyết định 257/QĐ-TTg ngày 29/03/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) rà soát, xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn theo quy định tại khoản 7, Điều 136 Luật các TCTD và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái tại văn bản .... đồng ý với kiến nghị của NHNN về việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong việc xây dựng, ban hành Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg; NHNN đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ngành, đơn vị có liên quan nghiên cứu soạn thảo Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là Quyết định của Thủ tướng Chính phủ). Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xin báo cáo và kính trình Thủ tướng Chính phủ như sau:

**I. Sự cần thiết ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**

Ngày 18/01/2024, Quốc hội đã thông qua Luật các TCTD năm 2024, có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024. Theo đó, khoản 7, Điều 136 Luật các TCTD năm 2024 quy định về giới hạn cấp tín dụng như sau:

*“1. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó của ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô không được vượt quá tỷ lệ sau đây:*

*a) Từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2026: 14% vốn tự có đối với một khách hàng; 23% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;*

*b) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2027: 13% vốn tự có đối với một khách hàng; 21% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;*

c) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2028: 12% vốn tự có đối với một khách hàng; 19% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;

d) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2028 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2029: 11% vốn tự có đối với một khách hàng; 17% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;

đ) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2029: 10% vốn tự có đối với một khách hàng; 15% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó.

2. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó không được vượt quá 25% vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

7. Trong trường hợp đặc biệt, để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà khả năng hợp vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa đáp ứng được yêu cầu vay vốn của một khách hàng thì Thủ tướng Chính phủ quyết định mức cấp tín dụng tối đa trong trường hợp tổng mức dư nợ cấp tín dụng vượt quá giới hạn quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này.

Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa trong trường hợp tổng mức dư nợ cấp tín dụng vượt quá giới hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này”.

Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 13/2018/QĐ-TTg ngày 06/03/2018 quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tuy nhiên, theo danh mục ban hành văn bản quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 50/QĐ-TTg ngày 11/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 13/2018/QĐ-TTg là văn bản quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng. Do vậy, khi Luật này hết hiệu lực thì hành thì Quyết định 13/2018/QĐ-TTg sẽ hết hiệu lực đồng thời.

Vì vậy, để đảm bảo hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ tại khoản 7, Điều 136 Luật các TCTD năm 2024 đồng bộ với thời gian có hiệu lực của Luật các TCTD năm 2024, việc nghiên cứu xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg) là cần thiết.

Bên cạnh đó, trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định 13/2018/QĐ-TTg, NHNN xét thấy có một số nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình triển khai như: (i) Do khoản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, mức cam kết tài trợ của TCTD đối với khách hàng rất lớn; nội dung cần tham gia ý kiến rất phức tạp, trách nhiệm lớn. Vì vậy,

các Đơn vị được xin ý kiến rất thận trọng và phải lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan nên một số đơn vị không gửi ý kiến kịp thời theo quy định dẫn tới vượt thời hạn quy định tại khoản 4, Điều 6 Quyết định 13/2018/QĐ-TTg. Vì vậy, việc quy định thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận đầy đủ ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương hoặc ý kiến giải trình của tổ chức tín dụng, NHNN trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn theo quy định tại khoản 4, Điều 3, Quyết định 13/2018/QĐ-TTg là chưa phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung; (ii) Bổ sung thêm quy định, sau khi xin ý kiến các Bộ, ngành, cơ quan, liên quan, trường hợp hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD không hợp lệ, NHNN có văn bản thông báo cho TCTD. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, NHNN báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD để làm rõ hơn trình tự thủ tục đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn; (iii) Bổ sung nhiệm vụ của các Bộ, ngành, địa phương trong việc giám sát hiệu quả hoạt động của các phương án, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cấp tín dụng vượt giới hạn trong phạm vi, chức năng nhiệm vụ được giao.

Trên cơ sở nội dung nêu trên, NHNN xét thấy việc xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg là cần thiết, phù hợp về cơ sở pháp lý cũng như cơ sở thực tiễn.

## **II. Mục đích, quan điểm xây dựng dự thảo Quyết định:**

### **1. Mục đích:**

Việc xây dựng dự thảo Quyết định nhằm mục đích sửa đổi, bổ sung một số nội dung về căn cứ ban hành Quyết định, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, văn bản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (TCTD) cho phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

### **2. Quan điểm xây dựng dự thảo Quyết định:**

- Bảo đảm tuân thủ và phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Kế thừa các nội dung còn phù hợp của Quyết định 13/2018/QĐ-TTg và sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và tình hình thực tế triển khai Quyết định 13/2018/QĐ-TTg.

- Quy định chi tiết các điều, khoản mà Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 giao cho Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

## **III. Quá trình xây dựng Dự thảo Quyết định**

Việc triển khai xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ được NHNN thực hiện đúng theo quy định về trình tự và thủ tục ban hành văn

bản quy phạm pháp luật, trên tinh thần khẩn trương để hoàn thành đúng tiến độ.  
Cụ thể:

1. Căn cứ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016, Nghị định 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, để việc ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ được triển khai đồng bộ với hiệu lực của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, NHNN đã có Tờ trình 21/TTr-NHNN ngày 06/03/2024 trình Thủ tướng Chính phủ cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong việc xây dựng, ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Ngân hàng Nhà nước xây dựng dự thảo Quyết định và đã có văn bản số 2602/NHNN-TD, 2603/NHNN-TD ngày 03/04/2024; 3208/NHNN-TD ngày 16/04/2024 gửi xin ý kiến của một số Bộ, ngành, đơn vị có liên quan; đồng thời, NHNN có Công văn 1536/NHNN-TD ngày 04/03/2024 và 2697/NHNN-TD ngày 05/04/2024 xin ý kiến 02 lần một số tổ chức tín dụng về nội dung dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Đăng tải dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên Công thông tin điện tử của Chính phủ và trang tin điện tử Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân;

4. Gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;

5. Sau khi Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định (Công văn số ... ngày ...), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định.

#### **IV. Bố cục, nội dung cơ bản của Dự thảo Quyết định**

##### **2. Bố cục:**

Dự thảo Quyết định gồm 3 chương với 8 Điều, cụ thể:

- Chương I: Quy định chung

+ Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

+ Điều 2: Đối tượng áp dụng

- Chương II: Quy định cụ thể

+ Điều 3: Điều kiện xem xét khoản cấp tín dụng vượt giới hạn

+ Điều 4: Hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn

+ Điều 5: Xác định mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn

+ Điều 6: Thủ tục xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn

- Chương III: Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành

+ Điều 7: Tổ chức thực hiện

+ Điều 8: Điều khoản thi hành

## 2. Nội dung cơ bản của Dự thảo Quyết định:

Nội dung dự thảo Quyết định được xây dựng trên cơ sở kế thừa những quy định còn phù hợp của Quyết định 13/2018/QĐ-TTg và sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và tình hình thực tế triển khai Quyết định 13/2018/QĐ-TTg. Theo đó, dự thảo Quyết định gồm 3 chương, 8 Điều, với một số nội dung sửa đổi, bổ sung chính như sau (*Chi tiết tại bản so sánh sửa đổi, bổ sung Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg*):

a) Sửa đổi căn cứ ban hành dự thảo Quyết định: Căn cứ ban hành dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ là Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

b) Sửa đổi về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1, Điều 2):

- Điều 1 về phạm vi điều chỉnh: Dự thảo Quyết định đã điều chỉnh cụm từ: “*trình tự*” thành: “*thủ tục*” cho phù hợp với quy định tại khoản 7, Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

- Điều 2 về đối tượng áp dụng: Dự thảo Quyết định đã sửa đổi đối tượng: “*Tổ chức tín dụng phi ngân hàng: Công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác*” thành: “*Tổ chức tín dụng phi ngân hàng: Công ty tài chính chuyên ngành và công ty tài chính tổng hợp*” cho phù hợp với định nghĩa mới về tổ chức tín dụng phi ngân hàng tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

c) Sửa đổi về điều kiện xem xét khoản cấp tín dụng vượt giới hạn (Điều 3):

- Tiết b, khoản 2, Điều 3: Dự thảo Quyết định đã sửa đổi nội dung: “*Tại thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn, tổ chức tín dụng đáp ứng các yêu cầu về giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan*” thành: “*Tại thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn, tổ chức tín dụng đáp ứng các yêu cầu về giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng*”, để đảm bảo tính rõ ràng, mạch lạc của quy định và thuận lợi trong quá trình triển khai, thực hiện.

- Tiết d, khoản 2, Điều 3: Dự thảo Quyết định đã sửa đổi nội dung: “*Đảm bảo giới hạn cấp tín dụng quy định tại khoản 8 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 khi tính cả khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đang đề nghị*” thành: “*Đảm bảo tuân thủ quy định về giới hạn cấp tín dụng quy định tại khoản 8 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 khi tính cả khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đang đề nghị*” cho phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

d) Về hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn (Điều 4):

- Điểm e, khoản 1, Điều 4: Dự thảo Quyết định sửa đổi thành: “*Hồ sơ liên quan đến khách hàng đề nghị cấp tín dụng, bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thành lập, Quyết định thành lập hoặc các tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức, báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 02 năm liền kề trước thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn; các tài liệu liên quan khác (nếu có)*”, do: (i) Qua rà soát, đối với các trường hợp tương tự như tại Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 hướng dẫn Luật Đầu tư cũng quy định nhà đầu tư cung cấp báo cáo tài chính của 02 năm; (ii) TCTD đề nghị chỉnh sửa để phù hợp với các doanh nghiệp mới thành lập pháp nhân mới, độc lập để thực hiện và quản lý dự án.

- Điểm c, d, khoản 2, Điều 4: Bổ sung cụm từ “*nếu có*” vào cuối mỗi điểm c, d để đảm bảo tính đầy đủ, chặt chẽ của văn bản.

e) Sửa đổi về thủ tục xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn (Điều 6):

- Tên Điều 6 dự thảo Quyết định, hiệu chỉnh cụm từ: “*Trình tự thủ tục xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn*” thành: “*Thủ tục xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn*” cho phù hợp với quy định tại khoản 7, Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 giao Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn.

- Khoản 1, Điều 6: Dự thảo Quyết định sửa đổi nội dung: “*Tổ chức tín dụng gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 4 Quyết định này trực tiếp hoặc bằng điện bưu điện*” thành: “*Tổ chức tín dụng gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1, Điều 4 Quyết định này trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính*”.

- Khoản 3, Điều 6: Dự thảo Quyết định bỏ nội dung: “*Trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu tổ chức tín dụng, khách hàng giải trình những vấn đề mà các bộ, ngành, địa phương có ý kiến*” để tránh trùng lặp, đảm bảo tính mạch lạc của quy định.

- Khoản 4, Điều 6: Dự thảo Quyết định bỏ quy định về thời hạn xử lý của NHNN và sửa thành:

“*Sau khi nhận được ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương hoặc ý kiến giải trình của tổ chức tín dụng, khách hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn do tổ chức tín dụng cung cấp:*

- *Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng không đáp ứng được các điều kiện tại Điều 3 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo cho tổ chức tín dụng trong đó ghi rõ điều kiện mà tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được.*

- *Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng đã hợp lệ, đáp ứng điều kiện tại Điều 3 Quyết định này, NHNN trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng”, do:*

(i) NHNN xét thấy, việc kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn sau khi có đầy đủ ý kiến của các bộ, ngành, địa phương có liên quan là khách quan, phù hợp, đảm bảo tính đầy đủ, rõ ràng của quy định. Trên cơ sở đó, trường hợp hồ sơ không hợp lệ, NHNN có văn bản thông báo cho TCTD. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, NHNN báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD. Quy định này về cơ bản không thay đổi so với quy định tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg, theo đó, NHNN chỉ xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ đối với các hồ sơ đáp ứng điều kiện xem xét chấp thuận cấp tín dụng vượt giới hạn.

(ii) NHNN đề nghị bỏ quy định về thời hạn xử lý của NHNN, do quá trình xử lý một khoản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn thường rất phức tạp, mất rất nhiều thời gian nên dẫn tới không đáp ứng đúng quy định thời hạn tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg.

Thực tế triển khai cho thấy, sau khi Quyết định 13/2018/QĐ-TTg ban hành và có hiệu lực thi hành, NHNN đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt 01 khoản cấp tín dụng vượt giới hạn của NHTM CP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) đối với EVN để thực hiện Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1.

NHNN đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét khoản cấp tín dụng vượt giới hạn nêu trên rất chặt chẽ, bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg và các quy định của pháp luật có liên quan. Theo đó, trong quá trình xem xét, NHNN có nhiều văn bản yêu cầu TCTD giải trình, bổ sung những nội dung cần làm rõ; nhiều lần xin ý kiến các Bộ, ngành có liên quan; các Vụ, Cục thuộc NHNN có nhiều lần có văn bản tham gia ý kiến. Ngoài ra, Thường trực Chính phủ họp 02 lần cho ý kiến về đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của VCB.

Do khoản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, mức cam kết tài trợ của TCTD đối với khách hàng rất lớn; nội dung cần tham gia ý kiến rất phức tạp, trách nhiệm lớn. Vì vậy, các Đơn vị được xin ý kiến rất thận trọng và phải lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan nên một số đơn vị không gửi ý kiến kịp thời theo quy định dẫn tới vượt thời hạn quy định tại khoản 4, Điều 6 Quyết định 13/2018/QĐ-TTg.

Như vậy, việc quy định thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận đầy đủ ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương hoặc ý kiến giải trình của tổ chức tín dụng, NHNN trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn theo quy định tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg là chưa phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình triển khai thực tế.

- Khoản 5, Điều 6: Dự thảo Quyết định bỏ nội dung: “*Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ cho tổ chức tín dụng biết, thực hiện*” và sửa đổi khoản 5, Điều 6 thành: “*Căn cứ*

đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành, địa phương, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến bằng văn bản đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng” cho phù hợp với quy định tại khoản 7, Điều 136 Luật các TCTD năm 2024 là Thủ tướng Chính phủ quyết định mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn.

f) Sửa đổi về tổ chức thực hiện (Điều 7)

- Khoản 2, Điều 7 bổ sung thêm trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương: “*Giám sát hiệu quả hoạt động của các phương án, dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cấp tín dụng vượt giới hạn trong phạm vi quản lý nhà nước của mình*” nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, rõ ràng và nâng cao vai trò, trách nhiệm của các bộ, ngành liên quan trong việc tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD.

- Điểm a, khoản 3, Điều 7: Dự thảo Quyết định sửa nội dung trách nhiệm của TCTD: “*Nghiêm túc thực hiện đúng các nội dung tại văn bản thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng*” thành “*Nghiêm túc thực hiện đúng các nội dung tại văn bản thông báo về đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng*” cho phù hợp với nội dung tại khoản 5, Điều 6 dự thảo Quyết định.

g) Ngoài ra, tại Phụ lục văn bản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD, dự thảo Quyết định sửa đổi phần kiến nghị của TCTD để làm rõ loại hình cấp tín dụng vượt giới hạn và mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa mà tổ chức tín dụng đề nghị Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phù hợp với quy định về giới hạn cấp tín dụng mới quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 (đính kèm).

## V. Về đánh giá thủ tục hành chính

Dự thảo Quyết định quy định 01 thủ tục hành chính là thủ tục đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, thủ tục này đã và đang thực hiện tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã hoàn thiện Bản đánh giá thủ tục hành chính liên quan đến quy trình đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn (Biểu đánh giá đính kèm).

## VI. Tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên

Dự thảo Quyết định phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia, cụ thể:

- Đến nay Việt Nam đã tham gia hai tổ chức thương mại, kinh tế đa phương là Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và đã tham gia và đang đàm phán 19 Hiệp định thương mại tự do (FTA).

- Dự thảo Quyết định không quy định về các hình thức hỗ trợ, tài trợ thương mại. Tổ chức tín dụng tự chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đánh giá



hiệu quả, cấp tín dụng, thu hồi nợ vay (gốc và lãi) của khoản cấp tín dụng. Lãi suất cho vay là lãi suất thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng, nguồn vốn cho vay do tổ chức tín dụng tự huy động trên thị trường. Do đó, nội dung Dự thảo Quyết định không có tác động bóp méo thương mại và không trợ giá cho tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh trên thị trường.

## **VII. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Quyết định sau khi được thông qua**

Các cơ chế, chính sách tại dự thảo Quyết định về cơ bản đã và đang được thực hiện tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg. Do đó, khi dự thảo Quyết định thông qua không làm phát sinh thêm chi phí quản lý nhà nước, không phát sinh thêm bộ máy tổ chức thi hành Quyết định của đối tượng điều chỉnh,... Vì vậy, nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, công nghệ, nhân lực hiện nay đủ điều kiện cho việc thi hành Quyết định sau khi được Thủ tướng Chính phủ ban hành, bảo đảm tính khả thi của chính sách.

## **VIII. Ý kiến tham gia của các Bộ, ngành và đối tượng chịu sự tác động**

1. NHNN đã tổng hợp ý kiến tham gia của 08 TCTD và ý kiến của 06 Bộ, cơ quan (Nội vụ, Ngoại giao, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Xây dựng, Giao thông vận tải, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam)<sup>1</sup>. Về cơ bản, các Bộ, ngành và TCTD thống nhất ý kiến đối với dự thảo Quyết định do NHNN xây dựng<sup>2</sup>. Đối với các ý kiến tham gia khác, Ngân hàng Nhà nước đã tiếp thu, hoàn thiện tại dự thảo Quyết định (*Chi tiết tại Bản giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và TCTD*). Ngoài ra, còn một số nội dung NHNN bảo lưu theo dự thảo Quyết định, NHNN xin giải trình như sau:

a) Đề nghị bổ sung thêm quy định thời hạn NHNN có văn bản trả lời các TCTD về việc hồ sơ của TCTD không đáp ứng được các điều kiện xem xét chấp thuận khoản cấp tín dụng vượt giới hạn và thời hạn Thủ tướng Chính phủ có ý kiến về đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD trên cơ sở hồ sơ do NHNN trình:

Ý kiến của NHNN: Khoản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, mức cam kết tài trợ của TCTD đối với khách hàng thường rất lớn; nội dung cần tham gia ý kiến rất phức tạp, trách nhiệm lớn. Vì vậy, các Đơn vị được xin ý kiến rất thận trọng và phải lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan nên một số đơn vị không gửi ý kiến kịp thời theo quy định dẫn tới vượt thời hạn quy định. Vì vậy, việc quy định cụ thể về thời hạn xử lý của NHNN và Thủ tướng Chính phủ là chưa phù hợp.

<sup>1</sup> Qua trao đổi, Bộ Xây dựng và Bộ Ngoại giao thống nhất với nội dung dự thảo Quyết định do NHNN xây dựng nhưng chưa có văn bản tham gia ý kiến.

<sup>2</sup> 07 Bộ, cơ quan và TCTD, gồm: Bộ Nội Vụ, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Techcombank, SeABank, Eximbank, EVNFC.

b) Đề nghị bổ sung thêm nội dung về tình trạng nợ tại thời điểm hiện tại, cụ thể: *"Tại thời điểm đề xuất cấp tín dụng vượt giới hạn, khách hàng có dư nợ vay đủ tiêu chuẩn tại các TCTD"*.

Ý kiến của NHNN: Theo quy định tại Luật các TCTD và Thông tư 39/2016/TT-NHNN không có quy định về việc khách hàng phải có dư nợ vay đủ tiêu chuẩn tại các TCTD mới được đề nghị cấp tín dụng.

c) Đề nghị NHNN xem xét quy định khách hàng cung cấp báo cáo tài chính đã được kiểm toán tối thiểu 01 năm liền kề trước năm đề nghị do thực tế có những khách hàng của các Tập đoàn lớn được thành lập để thực hiện dự án, không có đủ báo cáo tài chính của 03 năm liền kề trước năm đề nghị nhưng được TCTD đánh giá phương án/dự án khả thi, hiệu quả, tình hình tài chính tốt, đáp ứng điều kiện cấp tín dụng.

Ý kiến của NHNN: Điểm e, khoản 1, Điều 4 dự thảo Quyết định đã chỉnh sửa theo hướng: *"e. Hồ sơ liên quan đến khách hàng đề nghị cấp tín dụng, bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thành lập, Quyết định thành lập hoặc các tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức; báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 02 năm liền kề trước thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn; các tài liệu liên quan khác (nếu có)"*.

d) Điểm a, khoản 1, Điều 3 dự thảo Quyết định quy định: *"....có hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu không quá ba lần..."*

Theo quy định tại khoản 1, Điều 77 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định: *"Nhà đầu tư phải góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư dự án không bao gồm vốn nhà nước quy định tại điều 70 và Điều 72 Luật này"*. Đối với dự án PPP lĩnh vực giao thông có mức đầu tư lớn, thời gian hoàn vốn dài, nhà đầu tư được phép vay tối đa 85% tổng mức đầu tư dự án có thể làm cho doanh nghiệp có nợ phải trả quá 3 lần vốn chủ sở hữu, làm hạn chế cơ hội tiếp cận vốn của các dự án đầu tư. Do vậy, đề nghị NHNN nghiên cứu, đánh giá tác động của chính sách này để quy định hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu cho phù hợp.

Ý kiến của NHNN: Việc xem xét cho phép tổ chức tín dụng được cấp tín dụng vượt giới hạn quy định tại Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng 2024 sẽ làm tăng mức độ tập trung tín dụng của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng, khách hàng và người có liên quan, ảnh hưởng đến an toàn hoạt động cho tổ chức tín dụng. Bên cạnh đó, khoản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn là dự án, phương án có ý nghĩa kinh tế - xã hội lớn, mức đề nghị cấp tín lớn. Vì vậy, khách hàng vay vốn được đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn cần có tình hình tài chính được các TCTD đánh giá là lành mạnh, có khả năng về tài chính và có khả năng trả nợ,... Ngoài ra, nội dung này giữ nguyên như quy định tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg và trong quá trình triển khai không phát sinh, vướng mắc.

Vi vậy, NHNN xét thấy, việc quy định tại dự thảo Quyết định là cần thiết và phù hợp.

## VIII. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

.....

## IX. Kiến nghị:

NHNN đã hoàn thành soạn thảo Dự thảo Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg ngày 06/03/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

*Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ bao gồm:*

- 1. Tờ trình về dự thảo Quyết định.*
- 2. Dự thảo Quyết định đã được chỉnh lý sau khi có ý kiến thẩm định.*
- 3. Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.*
- 4. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân.*
- 5. Tài liệu khác (nếu có).*

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Công Thương, Tài chính, VPCP, Xây dựng, Giao thông vận tải, Ngoại giao, Nội Vụ, UBQLV;
- Lưu: VP, Vụ TD, V.T.Hường.

### **Đính kèm:**

- Dự thảo Quyết định;
- Tài liệu có liên quan.

**KT. THÔNG ĐỐC  
PHÓ THÔNG ĐỐC**

**Đào Minh Tú**

DỰ THẢO  
ngày ...../04/2024

## QUYẾT ĐỊNH

Quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 7 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

##### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là tổ chức tín dụng) bao gồm:

a) Ngân hàng: Ngân hàng thương mại nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng hợp tác xã; ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

b) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng: Công ty tài chính tổng hợp; Công ty tài chính chuyên ngành;

c) Quỹ tín dụng nhân dân;

d) Tổ chức tài chính vi mô;

e) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Khách hàng vay vốn, tổ chức, cá nhân có liên quan.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 3. Điều kiện xem xét chấp thuận khoản cấp tín dụng vượt giới hạn**

1. Khách hàng vay vốn, dự án, phương án được đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đáp ứng các điều kiện sau:

a) Khách hàng đáp ứng đủ điều kiện cấp tín dụng theo quy định của pháp luật, không có nợ xấu trong 02 năm liền kề trước thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn, có hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính năm của khách hàng tại thời điểm gần nhất với thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn không quá ba lần.

b) Khách hàng có nhu cầu vốn để thực hiện các dự án, phương án sản xuất kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội của đất nước thuộc một trong các trường hợp sau:

- Triển khai các dự án, phương án có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, cấp thiết nhằm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, phục vụ nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân thuộc các ngành, lĩnh vực: điện, than, dầu khí, xăng dầu, giao thông, vận tải công cộng và các lĩnh vực khác theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ.

- Triển khai các chương trình, dự án đầu tư được Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

- Đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích theo Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.

c) Dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đã được tổ chức tín dụng thẩm định và đánh giá là khả thi, khách hàng có khả năng trả nợ và quyết định cấp tín dụng; đáp ứng các quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Tổ chức tín dụng đáp ứng các điều kiện sau:

a) Về cấp tín dụng hợp vốn:

- Đã đề xuất và thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật về việc cấp tín dụng hợp vốn đối với các dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn mà khả năng hợp vốn của các tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được yêu cầu vay vốn của một khách hàng; hoặc

- Đã phát hành thư mời hợp vốn tới ít nhất 5 tổ chức tín dụng khác; đăng tải thư mời hợp vốn trên trang thông tin điện tử chính thức của tổ chức tín dụng

và Tạp chí Ngân hàng hoặc Thời báo Ngân hàng trong thời gian ít nhất 30 ngày nhưng không có tổ chức tín dụng khác tham gia hợp vốn.

b) Tại thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn, tổ chức tín dụng đáp ứng các yêu cầu về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.

c) Thực hiện đầy đủ các yêu cầu liên quan đến trách nhiệm, nghĩa vụ được nêu tại hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn và các văn bản phê duyệt chấp thuận cấp tín dụng vượt giới hạn trước đó.

d) Đảm bảo tuân thủ quy định về giới hạn cấp tín dụng tại khoản 8 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 khi tính cả khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đang đề nghị.

#### **Điều 4. Hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn**

1. Hồ sơ tổ chức tín dụng báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

Hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có dấu xác nhận của tổ chức tín dụng, bao gồm:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan theo mẫu tại Phụ lục đính kèm Quyết định này;

b) Các hồ sơ, tài liệu chứng minh tổ chức tín dụng đã đáp ứng điều kiện tại điểm a khoản 2 Điều 3 Quyết định này;

c) Văn bản thẩm định của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, dự án, phương án vay vốn của khách hàng;

d) Văn bản phê duyệt cấp tín dụng đối với khách hàng của cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng đề nghị;

đ) Văn bản đề nghị được cấp tín dụng tại tổ chức tín dụng của khách hàng;

e) Hồ sơ liên quan đến khách hàng đề nghị cấp tín dụng, bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thành lập, Quyết định thành lập hoặc các tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức; báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 02 năm liền kề trước thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn; các tài liệu liên quan khác (nếu có);

g) Hồ sơ pháp lý liên quan đến dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng, bao gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản phê duyệt, chấp thuận dự án, phương án của cấp có thẩm quyền.

- Các tài liệu có liên quan khác.

h) Báo cáo về tình hình quan hệ tín dụng và nhu cầu cấp tín dụng vượt giới hạn của một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó theo Mẫu biểu số 01 tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.

2. Hồ sơ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ bao gồm Tờ trình của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kèm theo các tài liệu sau:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;

b) Văn bản tham gia ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương có liên quan;

c) Văn bản giải trình của tổ chức tín dụng, khách hàng (nếu có);

d) Các tài liệu có liên quan khác (nếu có).

### **Điều 5. Xác định mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn**

Mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó được xác định theo công thức:

$$\text{MCTDTĐ} = \text{TMDN} + \text{ĐN}$$

Trong đó:

- MCTDTĐ là mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn;
- TMDN là tổng mức dư nợ cấp tín dụng tại thời điểm báo cáo;
- ĐN là số tiền đề nghị cấp tín dụng mới được chấp thuận.

Trong công thức trên, TMDN và ĐN được xác định như sau:

1. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng tại thời điểm báo cáo (TMDN) được tính vào mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn là tổng mức dư nợ cấp tín dụng của một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó tại tổ chức tín dụng tại thời điểm báo cáo, bao gồm:

a) Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đã cấp trong giới hạn cho phép thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng; hoặc

b) Tổng mức dư nợ cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn còn hiệu lực tính đến thời điểm báo cáo.

2. Đề nghị cấp tín dụng mới được chấp thuận (ĐN):

Số tiền đề nghị mới được tính vào mức cấp tín dụng tối đa là tổng số tiền của khoản tín dụng mới được Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn.

### **Điều 6. Thủ tục xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn**

1. Tổ chức tín dụng gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1, Điều 4 Quyết định này trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của tổ chức tín dụng:

- Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng không đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 3 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo cho tổ chức tín dụng trong đó ghi rõ các điều kiện mà tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được.

- Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng đã hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương có liên quan về các khía cạnh kinh tế - kỹ thuật - pháp lý của dự án, phương án và khách hàng đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các bộ, ngành, địa phương có ý kiến bằng văn bản về các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị mình gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu tổ chức tín dụng, khách hàng giải trình về các vấn đề có liên quan (nếu có).

4. Sau khi nhận được ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương hoặc ý kiến giải trình của tổ chức tín dụng, khách hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn do tổ chức tín dụng cung cấp:

- Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng không đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 3 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo cho tổ chức tín dụng trong đó ghi rõ các điều kiện mà tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được.

- Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng đã hợp lệ, đã đáp ứng điều kiện tại Điều 3 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng.

5. Căn cứ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành, địa phương, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến bằng văn bản đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

##### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



a) Chịu trách nhiệm thẩm định tính hợp lý, hợp lệ của hồ sơ do tổ chức tín dụng cung cấp và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn, đảm bảo tuân thủ các điều kiện, thủ tục theo quy định tại Quyết định này;

b) Thanh tra, giám sát việc thực hiện cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng.

c) Định kỳ hàng năm, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện các khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt còn hiệu lực.

## 2. Các bộ, ngành, địa phương

a) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quyết định này.

b) Chịu trách nhiệm đối với các nội dung đã tham gia ý kiến đối với dự án, phương án, khách hàng đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn; chịu trách nhiệm khác trong phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị mình đối với dự án, phương án, khách hàng được cấp tín dụng vượt giới hạn theo quy định của pháp luật.

c) Giám sát hiệu quả hoạt động của các phương án, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cấp tín dụng vượt giới hạn trong phạm vi quản lý nhà nước của mình.

## 3. Tổ chức tín dụng

a) Nghiêm túc thực hiện đúng các nội dung tại văn bản thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và ý kiến bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ về đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng; chỉ được sử dụng mức cấp tín dụng tối đa được phê duyệt cho từng dự án, phương án cụ thể đã đề nghị và được chấp thuận;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tổng hợp, tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng;

c) Chịu trách nhiệm về việc thẩm định, cấp tín dụng, kiểm tra, giám sát sau cho vay, thu hồi nợ vay (gốc và lãi), xử lý rủi ro (nếu có), theo quy định đối với khoản cấp tín dụng vượt giới hạn;

d) Giám sát chặt chẽ, đảm bảo việc khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích và định kỳ ngày 12 hàng tháng báo cáo tình hình thực hiện khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo mẫu biểu số 02, 03 tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.

## **Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2024

2. Các trường hợp cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo các văn bản phê duyệt trước đó.

3. Quyết định này thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg ngày 06/03/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP,
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội,
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể,
- VPCP, BTCN, các PCN, Trại lý TTCP,
- Công TTTT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b).XH

**THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**

**Phụ lục**

*Kèm theo Quyết định .../2024/QĐ-TTg ngày .../.../2024 của Thủ tướng Chính phủ*

**TÊN TCTD, CHI NHÁNH NGÂN  
HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày .... tháng .... năm ....

V/v đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn  
đối với khách hàng, khách hàng và  
người có liên quan

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Quyết định số...../2024/QĐ-TTg ngày.....tháng.... năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) báo cáo và kính đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn đối với trường hợp sau đây:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ CẤP TÍN DỤNG VƯỢT GIỚI HẠN**

1. Tên doanh nghiệp: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:.....
4. Vốn điều lệ, thông tin về quan hệ sở hữu, điều hành, các cổ đông chính;
5. Phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, nợ phải trả/vốn chủ sở hữu, xếp hạng tín nhiệm của TCTD đối với khách hàng, phân loại nợ.

**II. THÔNG TIN VỀ KHOẢN TÍN DỤNG ĐỀ NGHỊ CẤP TÍN DỤNG VƯỢT GIỚI HẠN**

1. Báo cáo rõ giá trị, thời gian giải ngân, thời gian vay vốn, loại tiền và mục đích của khoản cấp tín dụng đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn; văn bản phê duyệt cấp tín dụng của cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng.

2. Thông tin cơ bản về dự án, phương án sản xuất kinh doanh đề nghị được cấp tín dụng vượt giới hạn<sup>1</sup>: mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư, hồ sơ pháp

<sup>1</sup> Bao gồm cả các chương trình, dự án đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện từ nguồn vốn phát hành trái phiếu

lý, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, các tổ chức tín dụng tham gia tài trợ và các thông tin liên quan khác.

- Trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị cấp hạn mức vốn lưu động: Tóm tắt kế hoạch sản xuất kinh doanh kỳ kế hoạch (Doanh thu, chi phí, lợi nhuận), xác định vòng quay vốn, xác định nhu cầu vốn lưu động bình quân, khả năng đáp ứng bằng vốn tự có, tổng nhu cầu vốn đề nghị cấp tín dụng tại hệ thống các tổ chức tín dụng (trong đó liệt kê cụ thể nhu cầu vốn tại từng tổ chức tín dụng), vốn khác.

- Trường hợp cấp tín dụng trung, dài hạn để thực hiện nhiều dự án nhỏ phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm của doanh nghiệp: nêu rõ tổng số dự án doanh nghiệp thực hiện theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt; tổng nhu cầu vốn tín dụng trung, dài hạn của doanh nghiệp tại hệ thống các tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án, trong đó liệt kê cụ thể nhu cầu vốn tại từng tổ chức tín dụng, nhu cầu vốn của từng dự án.

3. Sự phù hợp với quy hoạch, tầm quan trọng, ý nghĩa của dự án, phương án sản xuất kinh doanh đối với sự phát triển kinh tế xã hội; ý nghĩa của khoản cấp tín dụng đối với kế hoạch, chiến lược kinh doanh, phát triển khách hàng của tổ chức tín dụng.

4. Tình hình thu xếp hợp vốn đối với khoản cấp tín dụng.

5. Ý kiến thẩm định của tổ chức tín dụng về năng lực hoạt động của khách hàng, tính khả thi của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, rủi ro có thể phát sinh, phương án phòng ngừa rủi ro, xử lý rủi ro và đánh giá về khả năng trả nợ của khách hàng.

### **III. TÌNH HÌNH QUAN HỆ TÍN DỤNG:**

- Nêu rõ tình hình quan hệ tín dụng hiện tại và lịch sử vay trả nợ; tình hình quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng khác (nếu có).

- Điền và đính kèm mẫu biểu về tình hình quan hệ tín dụng và nhu cầu cấp tín dụng vượt giới hạn đối với khách hàng, khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó tại Mẫu biểu số 01 tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.

### **IV. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

- Tình hình vốn tự có tại thời điểm gần nhất.

- Tình hình thực hiện quy định hiện hành về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định tại Luật các TCTD tại thời điểm gần nhất; đánh giá tác động của khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đến các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn này.

- Tình hình thực hiện các khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đối với khách hàng đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận (nếu có).

### **V. KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG:**

1. Kiến nghị rõ loại hình cấp tín dụng vượt giới hạn mà tổ chức tín dụng đề nghị Thủ tướng Chính phủ chấp thuận và mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn.

2. Cam kết tự quyết định và tự chịu trách nhiệm về việc cấp tín dụng vượt giới hạn.

(Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) xin cam kết tự xem xét, quyết định và tự chịu trách nhiệm về việc cấp tín dụng và thu hồi nợ vay; chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực, chính xác của nội dung trong văn bản đề nghị, các tài liệu kèm theo và chấp hành nghiêm túc các quy định tại Quyết định số...../2024/QĐ-TTg ngày.....tháng.... năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)*

Nơi gửi:

- Như trên;

....



2	Người có liên quan của khách hàng A	Quy VND																		
	Chi tiết theo loại tiền	VND USD .....																		
	(Trong đó chi tiết theo người có liên quan. Người có liên quan xác định theo Luật các TCTD năm 2024).																			
2.1	Công ty A1																			
2.1.1	Ngắn hạn																			
	Hợp đồng cấp tín dụng ....ký ngày.....																			
	.....																			
2.1.2	Trung, dài hạn																			
	Hợp đồng cấp tín dụng ....ký ngày.....																			
	.....																			
2.2	Công ty A2																			
	.....																			
	<b>Tổng cộng (1.) và (2.)</b>	<b>Quy VND</b>																		
		<b>VND</b>																		
	<b>Chi tiết theo loại tiền</b>	<b>USD</b>																		
		<b>.....</b>																		

**LẬP BIỂU**

(Ghi rõ số điện thoại liên hệ)

**KIỂM SOÁT**

....., Ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)





...																			
2	<b>Khách hàng B</b> (= 2.1 + 2.2 + ...)																		
2.1	<b>Khoản vay 1</b> (Chỉ tiết theo loại tiền)																		Quy VND
																			VND
																			USD
																			...
2.2	<b>Khoản vay 2</b> (Chỉ tiết theo loại tiền)																		Quy VND
																			VND
																			USD
																			...
...																			

**Chú thích:**

1. Tỷ giá ..... tại thời điểm ...../...../.....
2. Vốn tự có của TCTD tại thời điểm ...../...../.....

**Lập biểu**  
(Ghi rõ số điện thoại liên hệ)

**KIỂM SOÁT**

....., ngày .... tháng .... năm ...  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

1. **Đối tượng áp dụng:** Các tổ chức tín dụng có khoản cấp tín dụng vượt giới hạn được phê duyệt còn hiệu lực.
2. **Yêu cầu số liệu báo cáo:** Trụ sở chính tổ chức tín dụng tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. **Thời hạn gửi báo cáo:** Chậm nhất ngày 12 của tháng tiếp theo ngay sau Quý báo cáo.

**4. Hướng dẫn lập báo cáo:**

- Đối với mỗi khoản vay và khách hàng được chấp thuận cấp tín dụng vượt giới hạn: Cột (5) ghi rõ mức cấp tín dụng vượt giới hạn được chấp thuận đối với từng khoản cho vay và mức cấp tín dụng tối đa đối với khách hàng đã được phê duyệt, cột (15) ghi rõ số công văn và ngày, tháng, năm của công văn chấp thuận việc cấp tín dụng vượt giới hạn.
- Cột (10) = Cột (6) + cột (7) + cột (8) + cột (9);
- Cột (11) = Cột (10)/vốn tự có tại thời điểm báo cáo
- Cột (12): Ghi nhóm nợ của từng khách hàng, nhận các giá trị (1, 2, 3, 4, 5).
- Cột (14): Ghi rõ thông tin hình thức bảo đảm tiền vay; bao gồm hình thức bảo đảm là cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ, tín chấp.
- Cột (17) Ghi chú: ghi rõ mục đích sử dụng vốn vay, thời hạn hiệu lực của khoản cấp tín dụng vượt giới hạn (nếu có),....



		...																					
	Người có liên quan đến A (= Công ty A1 + A2+...) (Chỉ tiết theo loại tiền)	Quy VND																					
1.2		VND																					
		USD																					
		...																					
	- Công ty A1	VND																					
		USD																					
		...																					
	- Công ty A2																						
	Khách hàng B và người có liên quan đến B (=2.1 + 2.2)																						
2																							
	...																						

**Chú thích:**

- Tỷ giá ..... tại thời điểm ...../...../.....
- Vốn tự có của TCTD tại thời điểm ...../...../.....

**Lập biểu**

(Ghi rõ số điện thoại liên hệ)

**KIỂM SOÁT**

....., ngày .... tháng .... năm ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

1. **Đối tượng áp dụng:** Các tổ chức tín dụng có khoản cấp tín dụng vượt giới hạn được phê duyệt còn hiệu lực.
2. **Yêu cầu số liệu báo cáo:** Trụ sở chính tổ chức tín dụng tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
3. **Thời hạn gửi báo cáo:** Chậm nhất ngày 12 của tháng tiếp theo ngay sau Quý báo cáo.
4. **Hướng dẫn lập báo cáo:**

- Đối với mỗi khách hàng và/hoặc một khách hàng và người có liên quan được chấp thuận cấp tín dụng vượt giới hạn: Cột (05) ghi rõ mức tín dụng tối đa vượt giới hạn được chấp thuận đối với một khách hàng và/hoặc một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó, cột (16) ghi rõ số công văn và ngày, tháng, năm của công văn chấp thuận việc cấp tín dụng vượt giới hạn.
- Cột (10) = Cột (6) + cột (7) + cột (8) + cột (9);
- Cột (11) = Cột (10)/vốn tự có tại thời điểm báo cáo
- Cột (12): Ghi nhóm nợ của từng khách hàng, nhận các giá trị (1, 2, 3, 4, 5).
- Cột (14): Ghi rõ thông tin hình thức bảo đảm tiền vay; bao gồm hình thức bảo đảm là cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ, tín chấp.
- Cột (17) Ghi chú: ghi rõ mục đích sử dụng vốn vay, thời hạn hiệu lực của khoản cấp tín dụng vượt giới hạn (nếu có),....

**BẢN GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VÀ TCTD**

STT	Đơn vị góp ý	Điều/Khoản	Nội dung góp ý	Giải trình về việc tiếp thu/không tiếp thu ý kiến
<b>1</b>	<b>Các Bộ, ngành</b>			
<b>1</b>	<b>Bộ Nội Vụ</b>			
			Thông nhất với dự thảo Quyết định do NHNN chủ trì xây dựng	
<b>2</b>	<b>Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp</b>			
			Thông nhất, không có ý kiến gì khác với dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định do NHNN chủ trì xây dựng	
<b>3</b>	<b>Bộ Xây dựng (qua trao đổi)</b>			
			Bộ Xây dựng thông nhất với quy định tại khoản 2, Điều 6 và khoản 3, Điều 7 của dự thảo Quyết định. Đối với các nội dung khác, Bộ Xây dựng không thuộc chức năng, nhiệm vụ nên không có ý kiến.	
<b>4</b>	<b>Bộ Ngoại giao (qua trao đổi)</b>			
			Thông nhất, không có ý kiến gì khác với dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định do NHNN chủ trì xây dựng	
<b>5</b>	<b>Bộ Giao thông vận tải</b>			
			Điều 3	Không tiếp thu, vì: - Việc xem xét cho phép tổ chức tín dụng được cấp tín dụng vượt giới hạn quy định tại Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng 2024 sẽ làm tăng mức độ tập trung tín dụng của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng, khách hàng và người có liên quan, ảnh hưởng đến an toàn hoạt động cho tổ chức tín dụng. Bên cạnh đó, khoản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn là dự án, phương án có ý nghĩa kinh tế - xã hội lớn, mức đề nghị cấp tín lớn. Vì vậy, khách hàng vay vốn được đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn cần có tình hình tài chính được các TCTD đánh giá là lành mạnh, có khả năng về tài chính và có khả năng trả nợ,...
			Điều 3	- Bên cạnh đó, nội dung này giữ nguyên như quy định tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg và trong quá trình triển khai thực hiện không phát sinh, vướng mắc. Vì vậy, NHNN xét thấy, việc quy định tại dự thảo Quyết định là cần thiết và phù hợp.

		<p>Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp tin dụng vượt giới hạn có tác động lớn đến việc hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư, do đó, đề nghị NHNN lấy thêm ý kiến của nhà đầu tư doanh nghiệp dự án... là đối tượng chịu tác động của chính sách này.</p>	<p>Về đề nghị này, NHNN giải trình như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, NHNN đã đăng tải dự thảo Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg lên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của NHNN để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân; trong đó có doanh nghiệp, nhà đầu tư là đối tượng chịu tác động của chính sách này.</li> <li>- Ngoài ra, NHNN đã có văn bản xin ý kiến đối với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam là đại diện cho ý kiến các doanh nghiệp.</li> </ul>
<b>6</b>	<b>Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam</b>		
	Văn bản xin ý kiến và nội dung nghiệp vụ chuyên ngành của NHNN, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không tham gia ý kiến. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện Quyết định theo đúng quy định		
<b>II Ý kiến của các TCTD</b>			
<b>1</b>	<b>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (02 lần)</b>		
	Điều 3	<p>Điểm a, khoản 1, Điều 3, đề nghị sửa đoạn: "<i>không có nợ xấu trong 02 năm gần nhất trước năm đề nghị cấp tin dụng vượt giới hạn...</i>" thành: "<i>không có nợ xấu trong 02 năm gần nhất tính đến thời điểm đề nghị cấp tin dụng vượt giới hạn...</i>"</p>	<p>Tiếp thu, đã chỉnh sửa theo hướng: "<i>không có nợ xấu trong 02 năm liền kề trước thời điểm đề nghị cấp tin dụng vượt giới hạn...</i>"</p>
	Điều 3	<p>Điểm c, khoản 1, Điều 3 và điểm d, khoản 1, Điều 4, đề xuất sửa cụm từ: "<i>quyết định cấp tin dụng</i>" và "<i>phê duyệt cấp tin dụng</i>" thành "<i>đồng ý cấp tin dụng</i>"</p>	<p>Không tiếp thu, vì: Nội dung này giữ nguyên theo quy định tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg và trong quá trình triển khai không phát sinh khó khăn, vướng mắc.</p>

			<p>Điều e, khoản 1, Điều 4 đề nghị sửa thành: "Hồ sơ liên quan đến khách hàng đề nghị cấp tín dụng, gồm: Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương; báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 03 năm gần nhất; các tài liệu có liên quan" do báo cáo tài chính không phải hồ sơ pháp lý nên bỏ từ "pháp lý".</p> <p>Mặt khác, các Tập đoàn/TCT lớn thường phải hết Quy II hàng năm mới có báo cáo tài chính được kiểm toán. Do vậy, đề nghị xem xét quy định nộp báo cáo tài chính được kiểm toán cho phù hợp thực tế triển khai, tránh vướng mắc cho các TCTD nếu thời điểm trình vào đầu năm, chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán của năm liền trước năm đề nghị.</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa theo hướng: "e. Hồ sơ liên quan đến khách hàng đề nghị cấp tín dụng, bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thành lập, Quyết định thành lập hoặc các tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức; báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 02 năm liền kề trước thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn; các tài liệu liên quan khác (nếu có)".</p>
	Điều 4		<p>Khoản 2, Điều 5, đề nghị xem xét sửa thành: "số tiền đề nghị mới được tính vào mức cấp tín dụng tối đa là tổng số tiền của các khoản cấp tín dụng mới đang đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn".</p>	<p>Không tiếp thu, vì: Nội dung này giữ nguyên theo quy định tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg và trong quá trình triển khai không phát sinh khó khăn, vướng mắc.</p>
	Điều 5		<p>Khoản 2 Điều 6 đề nghị xem xét sửa đổi như sau:          "Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của TCTD quy định tại khoản 1, Điều 4 Quyết định này, NHNN có văn bản xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương".          Lý do: Đề nghị rút thời gian có văn bản xin ý kiến các Bộ, ngành từ 15 ngày xuống 10 ngày để rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ.</p>	<p>Không tiếp thu, vì: Sau khi nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước cần phối hợp để có ý kiến về kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, tình hình đáp ứng các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng (thời điểm đề nghị và trong trường hợp tổ chức tín dụng thực hiện khoản cấp tín dụng vượt giới hạn)... Trên cơ sở đó, NHNN có văn bản trả lời TCTD khi hồ sơ TCTD cung cấp không đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 3 dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ đã hợp lệ, NHNN có văn bản xin ý kiến các Bộ, ngành. Vì vậy, việc rút ngắn thời gian NHNN xin ý kiến các Bộ, ngành sẽ không đảm bảo tính khả thi để triển khai, thực hiện quy trình.</p>
	Điều 6			





			<p>Tiếp thu một phần và đã chỉnh sửa:</p> <p>- Điểm a, khoản 1, Điều 3 quy định về một trong các điều kiện khách hàng phải đáp ứng để được đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn; không quy định về hồ sơ TCTD báo cáo NHNN.</p> <p>Tại điểm a, khoản 1, Điều 3 dự thảo Quyết định đã sửa đổi theo hướng: "<i>Khách hàng đáp ứng đủ điều kiện cấp tín dụng theo quy định của pháp luật, không có nợ xấu trong 02 năm gần nhất trước năm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn, có hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu không quá ba lần vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất với thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn</i>".</p> <p>- Về hồ sơ liên quan đến khách hàng đề nghị cấp tín dụng tại khoản 1, Điều 4 dự thảo Quyết định đã sửa thành: "<i>e. Hồ sơ liên quan đến khách hàng đề nghị cấp tín dụng, bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thành lập, Quyết định thành lập hoặc các tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức; báo cáo tài chính 02 năm gần nhất với thời điểm đề nghị; các tài liệu liên quan khác (nếu có)</i>" cho phù hợp với quy định tại Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 hướng dẫn Luật đầu tư.</p>
	Điều 3	<p>-Điểm a, khoản 1, Điều 3: Đề nghị làm rõ khách hàng cung cấp loại báo cáo tài chính nào? (báo cáo tài chính riêng lẻ/báo cáo tài chính hợp nhất/báo cáo tài chính kiểm toán/báo cáo tài chính nộp cơ quan nhà nước có thẩm quyền".</p> <p>- Đề nghị sửa thành báo cáo tài chính 03 năm liền trước để đảm bảo rõ nghĩa.</p>	<p>Không tiếp thu, vì: Quy định tại dự thảo Quyết định đã đảm bảo đầy đủ, rõ nghĩa đề TCTD và khách hàng thực hiện.</p>
		<p>- Điểm b, khoản 1, Điều 3: Đề nghị quy định bổ sung như sau: "<i>các dự án, chương trình đầu tư được Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư và Luật PPP hiện hành</i>" để rõ hơn.</p>	

		<p>- Điểm c, khoản 1, Điều 3: Đề nghị sửa đoạn: "<i>Dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đã được TCTD thẩm định là đảm bảo khả thi, ... và được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</i>" thành: "<i>Dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đã được TCTD thẩm định là đảm bảo khả thi, ... và được cấp có thẩm quyền phê duyệt</i>" do Luật Đầu tư đã quy định rõ trường hợp nào cần cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hiện tại, đa số các dự án đầu tư nước ngoài mới cần có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p>	<p>Không tiếp thu, vì: Khoản 4, Điều 37 Luật Đầu tư quy định: Trường hợp nhà đầu tư có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này (gồm dự án nhà đầu tư trong nước, dự án của tổ chức kinh tế), nhà đầu tư thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại Điều 38 của Luật này. Do vậy, việc quy định tại dự thảo Quyết định là phù hợp.</p>
	<p>Điều 3</p>	<p>- Điểm a, khoản 2, Điều 3: Đề nghị sửa đổi đoạn: "<i>Đã phát hành thư mời hợp vốn đến ít nhất 5 TCTD khác, đăng trên trang thông tin điện tử chính thức của TCTD, các phương tiện thông tin đại chúng, trong thời gian ít nhất 30 ngày làm việc nhưng không có TCTD khác tham gia hợp vốn</i>" thành: "<i>Đã phát hành thư mời hợp vốn đến ít nhất 5 TCTD khác; đăng trên trang thông tin điện tử chính thức của TCTD trong thời gian ít nhất 30 ngày làm việc nhưng không có TCTD khác tham gia hợp vốn hoặc có TCTD tham gia nhưng tham gia không đầy đủ so với nhu cầu của khách hàng</i>".</p> <p>Lý do: việc phải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng trong 30 ngày làm việc là chưa rõ ràng do TCTD sẽ không biết công khai trên phương tiện thông tin đại chúng nào.</p> <p>Ngoài ra, thực tế có nhiều trường hợp có TCTD tham gia hợp vốn nhưng không đáp ứng đủ nhu cầu vốn của KH.</p>	<p>Tiếp thu một phần và đã chỉnh sửa: "<i>Đã phát hành thư mời hợp vốn đến ít nhất 5 TCTD khác; đăng trên trang thông tin điện tử chính thức của TCTD và Tạp chí Ngân hàng hoặc Thời báo Ngân hàng trong thời gian ít nhất 30 ngày nhưng không có TCTD khác tham gia hợp vốn</i>".</p>
	<p>Điều 3</p>		

			<p>Không tiếp thu, vì:</p> <p>- Điều 9 Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định về hồ sơ vay vốn: <u>Khi có nhu cầu vay vốn, khách hàng phải gửi cho tổ chức tín dụng các tài liệu chứng minh đủ điều kiện vay vốn theo quy định tại Điều 7 Thông tư này và các tài liệu khác do tổ chức tín dụng hướng dẫn.</u></p> <p>- Điều 7 Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định một số điều kiện TCTD xem xét cho khách hàng vay vốn như: nhu cầu vay vốn để sử dụng vào mục đích hợp pháp; có phương án sử dụng vốn khả thi, có khả năng tài chính trả nợ,...</p> <p>Vì vậy, việc quy định cung cấp văn bản đề nghị được cấp tín dụng tại TCTD của khách hàng theo dự thảo Quyết định là phù hợp.</p>
	Điều 4	<p>Điểm d, khoản 1, Điều 4: Đề nghị bỏ nội dung: "<i>Văn bản đề nghị được cấp tín dụng tại TCTD của khách hàng</i>" do giấy đề nghị cấp tín dụng không phải là hồ sơ bắt buộc đối với khách hàng. Thông tư 39 của NHNN về hoạt động cho vay không yêu cầu khách hàng phải cung cấp văn bản đề nghị được cấp tín dụng.</p>	<p>Không tiếp thu; tuy nhiên, điểm e, khoản 1, Điều 4 đã chỉnh sửa theo hướng: "<i>e. Hồ sơ liên quan đến khách hàng đề nghị cấp tín dụng, bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thành lập, Quyết định thành lập hoặc các tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức; báo cáo tài chính 02 năm gần nhất với thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn; các tài liệu liên quan khác (nếu có)</i>" tương tự như quy định tại Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 hướng dẫn Luật đầu tư.</p>
	Điều 4	<p>Điểm e, khoản 1, Điều 4: Đề nghị NHNN xem xét quy định khách hàng cung cấp BCTC đã được kiểm toán tối thiểu 01 năm liền kề trước năm đề nghị do thực tế có những khách hàng của các Tập đoàn lớn được thành lập để thực hiện dự án, không có đủ báo cáo tài chính của 03 năm liền kề trước năm đề nghị nhưng được TCTD đánh giá phương án/dự án khả thi, hiệu quả, tình hình tài chính tốt, đáp ứng điều kiện cấp tín dụng.</p>	

		<p>Công thức xác định mức cấp tín dụng tối đa:  <math>MCTD_{TD} = DN + CC + DN</math>  Trong đó:  - MCTD<sub>TD</sub> là mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn  - DN là tổng mức dư nợ cấp tín dụng tại thời điểm báo cáo  - CC là số tiền còn được cấp theo hợp đồng tín dụng đã ký  - DN là số tiền đề nghị cấp tín dụng mới được chấp thuận  Đề nghị làm rõ tổng mức dư nợ cấp tín dụng có áp dụng theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Thông tư 22 của NHNN hay không? Nếu có áp dụng thì xem xét sửa công thức thành:  <math>MCTD_{TD} = DN + DN</math></p>	<p>Tiếp thu, đã chỉnh sửa theo hướng:  - Công thức xác định mức cấp tín dụng tối đa:  <math>MCTD_{TD} = TMDN + DN</math>  Trong đó:  + MCTD<sub>TD</sub> là mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn;  + TMDN là tổng mức dư nợ cấp tín dụng tại thời điểm báo cáo (xác định theo văn bản hướng dẫn của NHNN);  + DN là số tiền đề nghị cấp tín dụng mới được chấp thuận.</p>
	Điều 6	<p>Khoản 4, Điều 6: Đề nghị bổ sung thêm quy định thời hạn NHNN có văn bản trả lời các TCTD về việc hồ sơ của TCTD không đáp ứng được các điều kiện xem xét chấp thuận khoản cấp tín dụng vượt giới hạn</p>	<p>Không tiếp thu, vì:  Khoản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, mức cam kết tài trợ của TCTD đối với khách hàng thường rất lớn; nội dung cần tham gia ý kiến rất phức tạp, trách nhiệm lớn. Vì vậy, các Đơn vị được xin ý kiến rất thận trọng và phải lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan nên một số đơn vị không gửi ý kiến kịp thời theo quy định dẫn tới vượt thời hạn quy định.  Vì vậy, NHNN đề nghị bỏ quy định về thời hạn xử lý của NHNN.</p>
	Điều 6	<p>Khoản 5, Điều 6: Đề xuất bổ sung thời hạn mà Thủ tướng Chính phủ có ý kiến trên cơ sở hồ sơ do NHNN trình do việc không quy định thời hạn cụ thể thời gian xử lý sẽ làm ảnh hưởng đến quá trình xử lý cũng như tiến độ đầu tư của dự án.</p>	<p>Không tiếp thu, vì:  Khoản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, mức cam kết tài trợ của TCTD đối với khách hàng thường rất lớn; nội dung cần tham gia ý kiến rất phức tạp, trách nhiệm lớn. Vì vậy, các Đơn vị được xin ý kiến rất thận trọng và phải lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan nên một số đơn vị không gửi ý kiến kịp thời theo quy định dẫn tới vượt thời hạn quy định.  Vì vậy, NHNN đề nghị bỏ quy định về thời hạn xử lý của Thủ tướng Chính phủ.</p>

3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (02 lần)		
		<p>Đề nghị thống nhất trong toàn văn bản thuật ngữ: "Luật các TCTD năm 2024" do dự thảo còn đề cập đến Luật các TCTD năm 2024 và Luật các TCTD năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).</p>	<p>Tiếp thu, đã chỉnh sửa</p>
Điều 1		<p>Đề nghị sửa thành: "<i>Quyết định này quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa trong trường hợp tổng mức dự nợ cấp tín dụng vượt giới hạn cấp tín dụng của TCTD, chi nhánh NHNN đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó theo quy định tại Điều 136 Luật các TCTD năm 2024</i>" cho phù hợp với quy định tại Điều 136 Luật các TCTD.</p>	<p>Không tiếp thu, vì: Quy định tại dự thảo đã đảm bảo tính đầy đủ, rõ nghĩa, phù hợp với quy định tại Điều 136 Luật các TCTD năm 2024</p>
Điều 3		<p>Điểm a, khoản 1, Điều 3: Đề nghị thống nhất cách hiểu đối với tiêu chí: "<i>trong 03 năm gần nhất liên tục năm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn</i>", đồng thời đề nghị sửa thành: "<i>... không có nợ xấu tại các TCTD trong 02 năm liên kế trước thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn..</i>"</p>	<p>Tiếp thu và đã chỉnh sửa theo hướng: Điểm a, khoản 1, Điều 3 dự thảo Quyết định đã sửa đổi theo hướng: "<i>Khách hàng đáp ứng đủ điều kiện cấp tín dụng theo quy định của pháp luật, không có nợ xấu trong 02 năm liên kế trước thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn,...</i>"</p>
Điều 3		<p>Điểm b, khoản 1, Điều 3 đề nghị sửa thành: "<i>Khách hàng có nhu cầu vốn để thực hiện các dự án, chương án sản xuất kinh doanh góp phần thực hiện nhiệm vụ kinh tế, xã hội...</i>" để có cơ sở tài trợ các nhu cầu vốn hợp pháp khác như tái cấu trúc tài chính, thực hiện các nhiệm vụ của Nhà nước giao,...</p>	<p>Không tiếp thu, vì: Theo quy định tại khoản 7, Điều 136 Luật các TCTD năm 2024, việc xem xét đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn chỉ áp dụng đối với trường hợp đặc biệt, thực hiện nhiệm vụ kinh tế - kinh tế. Bên cạnh đó, nội dung này giữ nguyên theo quy định tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg và trong quá trình triển khai khai không phát sinh khó khăn, vướng mắc.</p>

	<p>Điều 3</p> <p>Tại điểm c, khoản 1, Điều 3, đề nghị bỏ cụm từ "đảm bảo". Cụ thể như sau: "c) Dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đã được TCTD thẩm định là <del>đảm bảo</del> khả thi, khách hàng có khả năng trả nợ và quyết định cấp tín dụng, ... Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư".</p> <p>Lý do: Phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 7 Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định: "TCTD xem xét, quyết định cho vay khi khách hàng có đủ các điều kiện sau đây: 3. Có phương án sử dụng vốn khả thi".</p>	<p>Tiếp thu, đã chỉnh sửa</p>
	<p>Điều 3</p> <p>Điểm b, khoản 2, Điều 3: Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: "Tại thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn, TCTD đáp ứng các yêu cầu về giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật các TCTD và các quy định pháp luật có liên quan" do ngoài quy định tại Luật các TCTD còn tuân thủ các quy định tại Thông tư hướng dẫn của NHNN.</p>	<p>Không tiếp thu, vì: Việc quy định rõ TCTD phải đáp ứng các yêu cầu về giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động theo quy định tại Luật các TCTD tại dự thảo Quyết định đề đảm bảo tính rõ ràng, mạch lạc của quy định và thuận lợi trong quá trình triển khai, thực hiện; đối với các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn tại Luật tổ chức tín dụng giao NHNN hướng dẫn thì TCTD vẫn phải tuân thủ các quy định tại Thông tư hướng dẫn này của NHNN.</p>

			<p>Không tiếp thu, vì:</p> <p>- Khoản 7, Điều 136 quy định: "<u>Trường hợp đặc biệt để thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội mà khả năng hợp vốn của TCTD, chi nhánh NHNg chưa đáp ứng được nhu cầu vay vốn của một khách hàng thì Thủ tướng Chính phủ quyết định mức cấp tín dụng tối đa trong trường hợp tổng mức dự nợ cấp tín dụng vượt quá giới hạn quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này đối với từng trường hợp cụ thể</u>".</p> <p>- Ngoài ra, điều kiện để xem xét khoản cấp tín dụng vượt giới hạn rất chặt chẽ, là dự án/phương án có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, cấp thiết, dự án được Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.</p> <p>Do vậy, việc quy định tại dự thảo Quyết định là phù hợp.</p>
		<p>Điều 3</p> <p>Điểm d, khoản 2, Điều 3: Đề nghị sửa thành: "<i>d) Đảm bảo tuân thủ quy định về giới hạn cấp tín dụng tại khoản 8, Điều 136 Luật các TCTD năm 2024 khi tính cả (các) khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đang đề nghị</i>".</p> <p>Lý do: Việc chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa được thực hiện theo từng trường hợp khách hàng, theo đó có thể bao gồm nhiều khoản cấp tín dụng.</p>	
		<p>Điều 5</p> <p>Khoản 1, Điều 5: Đề nghị sửa thành: "<i>1. Tổng mức dự nợ cấp tín dụng tại thời điểm báo cáo (DN) được tính vào mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn là tổng mức dự nợ cấp tín dụng của một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó tại TCTD tại thời điểm báo cáo...</i>" cho phù hợp với thuật ngữ sử dụng tại Luật các TCTD năm 2024.</p>	<p>Tiếp thu, đã chỉnh sửa.</p>
		<p>Điều 6</p> <p>Khoản 4, Điều 6: Đề nghị bổ sung theo hướng quy định rõ thời gian xử lý của NHNN</p>	<p>Không tiếp thu, vì:</p> <p>Khoản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, mức cam kết tài trợ của TCTD đối với khách hàng thường rất lớn; nội dung cần tham gia ý kiến rất phức tạp, trách nhiệm lớn. Vì vậy, các Đơn vị được xin ý kiến rất thận trọng và phải lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan nên một số đơn vị không gửi ý kiến kịp thời theo quy định dẫn tới vượt thời hạn quy định.</p> <p>Vì vậy, NHNN đề nghị bỏ quy định về thời hạn xử lý của NHNN.</p>



				Không tiếp thu, vì: Khoản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, mức cam kết tài trợ của TCTD đối với khách hàng thường rất lớn; nội dung cần tham gia ý kiến rất phức tạp, trách nhiệm lớn. Vì vậy, các Đơn vị được xin ý kiến rất thận trọng và phải lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan nên một số đơn vị không gửi ý kiến kịp thời theo quy định dẫn tới vượt thời hạn quy định. Vì vậy, NHNN đề nghị bỏ quy định về thời hạn xử lý của Thủ tướng Chính phủ.
4	<b>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (02 lần)</b>		Điều 6  Khoản 5, Điều 6: Đề xuất bổ sung thời gian xử lý của Văn phòng Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ.	
		Điều 3  Điều a, khoản 1, Điều 3: Đề nghị bổ sung thêm nội dung về tình trạng nợ tại thời điểm hiện tại, cụ thể: " <i>Tại thời điểm đề xuất cấp tín dụng vượt giới hạn, khách hàng có dư nợ vay đủ tiêu chuẩn tại các TCTD</i> ".	Một trong các điều kiện được nêu liên quan đến chi số tài chính thể hiện trên báo cáo tài chính của khách hàng. Theo đó, TCTD được hiểu các khách hàng được chấp thuận cấp tín dụng vượt giới hạn theo quy định này là doanh nghiệp. Như vậy, nên làm rõ nội dung này vào Quyết định để các TCTD không phải hiểu suy luận.	Không tiếp thu, vì: Theo quy định tại Luật các TCTD và Thông tư 39/2016/TT-NHNN không có quy định về việc khách hàng phải có dư nợ vay đủ tiêu chuẩn tại các TCTD mới được đề nghị cấp tín dụng.
		Điều 3  Điều c, khoản 1, Điều 3: Đề nghị xem xét sửa thành: " <i>Dư án, phương án đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đã được TCTD thẩm định đánh giá là khả thi,...</i> " do các TCTD căn cứ trên hồ sơ của khách hàng cung cấp để đánh giá phương án khả thi/không khả thi. Việc đảm bảo một phương án chưa xây ra khả thi là chưa phù hợp.	Điều 3	Không tiếp thu, vì: Quy định về đối tượng, phạm vi tại dự thảo Quyết định đảm bảo rõ ràng, mạch lạc, đúng quy định của pháp luật.
5	<b>Công ty tài chính cổ phần Điện Lực (02 lần)</b>		Điều 3	Tiếp thu, đã chỉnh sửa

			Không tiếp thu, vì: Khoản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, mức cam kết tài trợ của TCTD đối với khách hàng thường rất lớn; nội dung cần tham gia ý kiến rất phức tạp, trách nhiệm lớn. Vì vậy, các Đơn vị được xin ý kiến rất thận trọng và phải lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan nên một số đơn vị không gửi ý kiến kịp thời theo quy định dẫn tới vượt thời hạn quy định. Vì vậy, NHNN đề nghị bỏ quy định về thời hạn xử lý của NHNN.
6	<b>Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam</b>		
	Không có ý kiến đối với dự thảo Quyết định		
7	<b>Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam</b>		
	Không có ý kiến đối với dự thảo Quyết định		
8	<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam</b>		
		Đề nghị thống nhất thuật ngữ sử dụng trong toàn bộ văn bản là: <b>“một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan”</b>	Tiếp thu, đã chỉnh sửa
		Điều 3 Điểm a, khoản 1, Điều 3, đề nghị sửa thành: “ <i>có nợ phải trả không quá ba lần vốn chủ sở hữu</i> ” hoặc “ <i>có hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu không quá 3 lần</i> ”.	Tiếp thu, đã chỉnh sửa
		Điều 5 Đề nghị bổ sung quy định: Tổng mức dư nợ cấp tín dụng được xác định theo hướng dẫn của NHNN từng thời kỳ (hiện tại là thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019).	Không tiếp thu, vì: Quy định tại dự thảo Quyết định đã đảm bảo đầy đủ, rõ nghĩa để TCTD và khách hàng thực hiện.
		Điều 4 Điểm c, khoản 1, Điều 4: - Đề nghị bỏ sung hồ sơ tài chính là báo cáo tài chính 02 năm gần nhất và báo cáo quý gần nhất (nếu có) với thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn. - Đề quy định loại báo cáo tài chính yêu cầu khách hàng cung cấp (báo cáo tài chính riêng lẻ/báo cáo tài chính hợp nhất).	Tiếp thu một phần và đã chỉnh sửa theo hướng: “... báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 02 năm liền kề trước thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn”

		Điều 5	Đề nghị làm rõ hình thức thông báo về đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn có thực hiện tương tự như quy trình tại Quyết định 13/2018/QĐ-TT g hay không?	Không tiếp thu, vì: Dự thảo Quyết định đã quy định rõ, căn cứ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD, ý kiến của NHNN và các Bộ, ngành, cơ quan, địa phương, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến bằng văn bản đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD cho phù hợp với quy định tại khoản 7, Điều 136 Luật các TCTD là Thủ tướng Chính phủ quyết định mức cấp tín dụng tối đa trong từng trường hợp cụ thể.
--	--	--------	--	---

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**  
**Đề nghị xây dựng quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xin báo cáo đánh giá tác động của chính sách tại đề nghị xây dựng Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg ngày 06/03/2018 quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài như sau:

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẤP TỔNG QUAN**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

1.1. Ngày 18/01/2024, Quốc hội đã thông qua Luật các TCTD năm 2024, có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024. Theo đó, khoản 7, Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định về giới hạn cấp tín dụng như sau:

"1. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó của ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô không được vượt quá tỷ lệ sau đây:

a) Từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2026: 14% vốn tự có đối với một khách hàng; 23% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;

b) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2027: 13% vốn tự có đối với một khách hàng; 21% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;

c) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2028: 12% vốn tự có đối với một khách hàng; 19% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;

d) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2028 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2029: 11% vốn tự có đối với một khách hàng; 17% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;

đ) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2029: 10% vốn tự có đối với một khách hàng; 15% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó.

2. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó không được vượt quá 25% vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

7. Trong trường hợp đặc biệt, để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà khả năng hợp vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa đáp ứng được yêu cầu vay vốn của một khách hàng thì Thủ tướng Chính phủ quyết định mức cấp tín dụng tối đa trong trường hợp tổng mức dư nợ cấp tín dụng vượt quá giới hạn quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này.

Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa trong trường hợp tổng mức dư nợ cấp tín dụng vượt quá giới hạn quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này”.

Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 13/2018/QĐ-TTg ngày 06/03/2018 quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tuy nhiên, theo danh mục ban hành văn bản quy định chi tiết Luật các tổ chức tín dụng năm 2017, Quyết định 13/2018/QĐ-TTg là văn bản quy định chi tiết Luật các tổ chức tín dụng năm 2017. Do vậy, khi Luật này hết hiệu lực thì hành thì Quyết định 13/2018/QĐ-TTg sẽ đồng thời hết hiệu lực.

Vì vậy, để đảm bảo hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ tại khoản 7, Điều 136 Luật các TCTD năm 2024 đồng bộ với thời gian có hiệu lực của Luật các TCTD năm 2024, việc nghiên cứu xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg) là cần thiết.

1.2. Kể từ khi Quyết định 13/2018/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành, NHNN đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt 01 khoản cấp tín dụng vượt giới hạn của NHTM CP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) đối với EVN để thực hiện Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1. Hiện nay, Vietcombank chưa giải ngân đối với Dự án.

Qua quá trình tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn đối với Vietcombank, NHNN nhận thấy một số quy định tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg chưa phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình triển khai thực tế, cụ thể như sau:

- Về thời hạn xử lý của NHNN: Khoản 4, Điều 6, Quyết định 13/2018/QĐ-TTg quy định trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận đầy đủ ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương hoặc ý kiến giải trình của tổ chức tín dụng, NHNN

trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD.

Thực tế triển khai cho thấy, sau khi Quyết định 13/2018/QĐ-TTg ban hành và có hiệu lực thi hành, NHNN đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt 01 khoản cấp tín dụng vượt giới hạn của NHTM CP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) đối với EVN để thực hiện Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1.

NHNN đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét khoản cấp tín dụng vượt giới hạn nêu trên rất chặt chẽ, bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg và các quy định của pháp luật có liên quan. Theo đó, trong quá trình xem xét, NHNN có nhiều văn bản yêu cầu TCTD giải trình, bổ sung những nội dung cần làm rõ; nhiều lần xin ý kiến các Bộ, ngành có liên quan; các Vụ, Cục thuộc NHNN có nhiều lần có văn bản tham gia ý kiến. Ngoài ra, Thường trực Chính phủ họp 02 lần cho ý kiến về đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của VCB.

Do khoản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, mức cam kết tài trợ của TCTD đối với khách hàng rất lớn; nội dung cần tham gia ý kiến rất phức tạp, trách nhiệm lớn. Vì vậy, các Đơn vị được xin ý kiến rất thận trọng và phải lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan nên một số đơn vị không gửi ý kiến kịp thời theo quy định dẫn tới vượt thời hạn quy định tại khoản 4, Điều 6 Quyết định 13/2018/QĐ-TTg.

- Về trình tự xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn: Khoản 4, Điều 6, Quyết định 13/2018/QĐ-TTg quy định: *“Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các bộ, ngành, địa phương hoặc ý kiến giải trình của tổ chức tín dụng, khách hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hồ sơ cấp tín dụng vượt giới hạn do tổ chức tín dụng cung cấp và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng”*.

Tuy nhiên, để đảm bảo tính đầy đủ, rõ ràng của quy định, NHNN xét thấy cần bổ sung thêm quy định trường hợp hồ sơ không hợp lệ, NHNN có văn bản thông báo cho TCTD. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, NHNN báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD.

- Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, ngành, địa phương: Chưa quy định nhiệm vụ của các Bộ, ngành, địa phương trong việc giám sát hiệu quả hoạt động của các phương án, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cấp tín dụng vượt giới hạn.

Từ những nội dung nêu trên, yêu cầu đặt ra đối với việc xây dựng Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg là để đảm bảo hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ tại khoản 7, Điều 136 Luật các TCTD năm 2024 đồng bộ với

thời gian có hiệu lực của Luật các TCTD năm 2024 và sửa đổi một số nội dung tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg cho phù hợp với tình hình triển khai thực tế.

## **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Việc xây dựng dự thảo Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg nhằm mục đích sửa đổi, bổ sung một số nội dung về căn cứ ban hành Quyết định, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, văn bản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (TCTD) cho phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể:**

Việc ban hành Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể như sau:

- Bảo đảm tuân thủ và phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Kế thừa các nội dung còn phù hợp của Quyết định 13/2018/QĐ-TTg và sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và tình hình thực tế triển khai Quyết định 13/2018/QĐ-TTg.
- Quy định chi tiết các điều, khoản mà Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 giao cho Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH**

Để đạt được các mục tiêu xây dựng Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của chính sách như sau:

### **1. Chính sách 1: Sửa đổi đối tượng áp dụng của tổ chức tín dụng phi ngân hàng:**

#### **1.1. Xác định vấn đề bất cập**

- Vấn đề bất cập:

Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 đã hoàn thiện các quy định về TCTD phi ngân hàng bằng cách đưa ra quy định 2 mô hình là công ty tài chính tổng hợp và công ty tài chính chuyên ngành (khoản 41, Điều 3) và quy định về hoạt động của 2 mô hình này (mục 3 và 4, Chương V). Việc thay đổi nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các TCTD phi ngân hàng, qua đó thúc đẩy sự phát triển toàn diện của thị trường tài chính, giảm bớt sự phụ thuộc vào hệ thống ngân hàng thương mại, giúp thị trường tài chính phát triển bền vững hơn.

Hiện nay, Quyết định 13/2018/QĐ-TTg quy định về loại hình TCTD phi ngân hàng theo quy định tại Luật các TCTD năm 2010 (đã sửa đổi, bổ sung). Do đó, việc sửa đổi đối tượng áp dụng của TCTD phi ngân hàng tại Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg cho phù hợp với quy định tại Luật các TCTD 2020 để đảm bảo tính đồng bộ trong quy định của pháp luật là cần thiết.

- Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:

Không có cơ sở pháp lý đầy đủ để TCTD phi ngân hàng đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn quy định tại khoản 2, khoản 7 Điều 136 Luật các TCTD năm 2024 nên có thể ảnh hưởng đến việc chấp hành quy định về giới hạn cấp tín dụng của TCTD phi ngân hàng.

- Nguyên nhân gây ra vấn đề: Luật các TCTD năm 2024 sửa đổi khái niệm về TCTD phi ngân hàng; theo đó, TCTD phi ngân hàng gồm công ty tài chính tổng hợp và công ty tài chính chuyên ngành thay thế cho định nghĩa cũ về TCTD phi ngân hàng tại Luật các TCTD năm 2010 (đã sửa đổi, bổ sung).

## **1.2. Mục tiêu để giải quyết vấn đề**

Tạo cơ sở pháp lý, xây dựng quy định pháp luật cụ thể, đầy đủ nhằm điều chỉnh ở phạm vi bao quát các đối tượng áp dụng, qua đó, nâng cao hiệu quả công tác tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng.

## **1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

**1.3.1. Giải pháp 1A:** Giữ nguyên hiện trạng đối tượng áp dụng tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg.

**1.3.2. Giải pháp 1B:** Sửa đổi điều khoản về đối tượng áp dụng của TCTD phi ngân hàng là công ty tài chính tổng hợp và công ty tài chính chuyên ngành (tiết b, khoản 1, Điều 2 dự thảo Quyết định thay thế Quyết định 13).

## **1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

**1.4.1. Giải pháp 1A:** Giữ nguyên hiện trạng (giữ nguyên như quy định tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg)

### *a) Tác động về kinh tế*

- Chi phí: Giải pháp này gần như không làm phát sinh thêm chi phí cho xã hội, các bộ, ngành và các đối tượng áp dụng.

- Lợi ích: Các bộ, ngành sẽ không bị phát sinh chi phí, nhân lực cho việc triển khai quy định nêu trên tại Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg.

### *b) Tác động về xã hội:*

- Mặt tích cực: Tác động tích cực về mặt xã hội của chính sách này hầu như không có.



- Mặt tiêu cực: Việc giữ nguyên quy định về định nghĩa TCTD phi ngân hàng tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg không tạo sự thống nhất, nhất quán theo những hướng dẫn và quy định chung, có thể ảnh hưởng đến việc chấp hành quy định về giới hạn cấp tín dụng của TCTD phi ngân hàng.

*c) Tác động đối với hệ thống pháp luật*

- Về tính thống nhất và khả thi: Việc giữ nguyên quy định như hiện tại sẽ không tạo được khung pháp lý toàn diện, đồng bộ để triển khai thực hiện việc đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của TCTD phi ngân hàng.

**1.4.2. Giải pháp 1B:** Sửa đổi điều khoản về đối tượng áp dụng của TCTD phi ngân hàng là công ty tài chính tổng hợp và công ty tài chính chuyên ngành (tiết b, khoản 1, Điều 2 dự thảo Quyết định thay thế Quyết định 13).

*a) Tác động về kinh tế:*

- Chi phí: Qua đánh giá sơ bộ, việc sửa đổi đối tượng áp dụng của TCTD phi ngân hàng gần như không làm phát sinh thêm chi phí cho xã hội, các bộ, ngành và các đối tượng áp dụng.

- Lợi ích: Tạo ra khuôn khổ pháp lý để TCTD phi ngân hàng cũng như cơ quan có thẩm quyền có cơ sở thực hiện việc đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn.

*b) Tác động về xã hội:*

- Mặt tích cực: Tăng cường nhận thức về việc chấp hành quy định về giới hạn cấp tín dụng của TCTD phi ngân hàng.

- Mặt tiêu cực: Tác động tiêu cực về mặt xã hội của chính sách này hầu như không có.

*c) Tác động đối với hệ thống pháp luật*

- Về tính thống nhất và khả thi: Việc sửa đổi đối tượng áp dụng này vào tiết b, khoản 1, Điều 2 dự thảo Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg nhằm đảm bảo sự đồng bộ trong hệ thống quy định pháp luật về TCTD phi ngân hàng và việc chấp hành quy định về giới hạn cấp tín dụng của TCTD phi ngân hàng.

## **1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Qua phân tích đánh giá các tác động của các chính sách, mặt tích cực, tiêu cực của giải pháp đưa ra, Cơ quan soạn thảo đề xuất lựa chọn Giải pháp 1B nhằm khắc phục những bất cập, hạn chế của quy định pháp luật hiện hành, tạo cơ sở pháp lý cho TCTD phi ngân hàng cũng như cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng vượt giới hạn.

Để giải quyết triệt để vấn đề bất cập đã nêu, cần thiết phải trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg.

## **2. Chính sách 2: Hoàn thiện thủ tục xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn**

## 2.1. Xác định vấn đề bất cập

- Vấn đề bất cập:

Trong quá trình triển khai Quyết định 13/2018/QĐ-TTg, NHNN nhận thấy một số quy định tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg chưa phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình triển khai thực tế. Cụ thể:

(i) Việc quy định thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận đầy đủ ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương hoặc ý kiến giải trình của tổ chức tín dụng, NHNN trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn theo quy định tại khoản 4, Điều 3, Quyết định 13/2018/QĐ-TTg là chưa phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung.

(ii) Sau khi xin ý kiến các Bộ, ngành, cơ quan, liên quan, cần bổ sung thêm quy định trường hợp hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD không hợp lệ, NHNN có văn bản thông báo cho TCTD. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, NHNN báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD.

(iii) Cần bổ sung nhiệm vụ của các Bộ, ngành, địa phương trong việc giám sát hiệu quả hoạt động của các phương án, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cấp tín dụng vượt giới hạn trong phạm vi quản lý nhà nước của mình.

- Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:

Thứ nhất, do khoản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, mức cam kết tài trợ của TCTD đối với khách hàng rất lớn; nội dung cần tham gia ý kiến rất phức tạp, trách nhiệm lớn. Vì vậy, các Đơn vị được xin ý kiến rất thận trọng và phải lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan nên một số đơn vị không gửi ý kiến kịp thời theo quy định dẫn tới vượt thời hạn quy định tại khoản 4, Điều 6 Quyết định 13/2018/QĐ-TTg.

Thứ hai, nếu các quy định pháp lý về các vấn đề nêu trên không được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg thì trình tự, thủ tục đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn chưa thật sự rõ ràng, mạch lạc cũng như việc giám sát hiệu quả hoạt động của các dự án, phương án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cấp tín dụng vượt giới hạn chưa đầy đủ, toàn diện.

- Nguyên nhân gây ra vấn đề:

Nguyên nhân chính gây ra vấn đề là Quyết định 13/2018/QĐ-TTg chưa quy định hoặc quy định chưa đầy đủ, chi tiết, có thể gây khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền trong việc triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, thực tế triển khai Quyết định 13/2018/QĐ-TTg phát sinh bất cập về thời hạn xử lý của NHNN nên cần được sửa đổi, bổ sung.

## 2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tạo hành lang pháp lý đầy đủ, toàn diện cho đối tượng áp dụng, cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện quy trình, thủ tục đề nghị cấp tín dụng vượt

giới hạn của TCTD, góp phần nâng cao hiệu quả công tác giám sát hiệu quả hoạt động của các dự án, phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cấp tín dụng vượt giới hạn.

### **2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

**2.3.1. Giải pháp 2A:** Giữ nguyên hiện trạng (giữ nguyên như quy định tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg)

**2.3.2. Giải pháp 2B:** Sửa đổi và bổ sung tại Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg theo hướng:

- Đề nghị bỏ quy định về thời hạn xử lý của NHNN.

- Đề nghị bổ sung thêm quy định, sau khi nhận được ý kiến của các Bộ, cơ quan, địa phương hoặc ý kiến giải trình của TCTD, NHNN kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp tín dụng. Theo đó: (i) Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng không đáp ứng được các điều kiện tại Điều 3 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo cho tổ chức tín dụng trong đó ghi rõ điều kiện mà tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được; (ii) Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng đã hợp lệ, đáp ứng điều kiện tại Điều 3 Quyết định này, NHNN trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng.

- Đề nghị bổ sung thêm quy định giao các Bộ, ngành, địa phương: “*Giám sát hiệu quả hoạt động của phương án, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cấp tín dụng vượt giới hạn trong phạm vi quản lý nhà nước của mình*”.

### **2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

**2.4.1. Giải pháp 2A:** Giữ nguyên hiện trạng

#### *a) Tác động về kinh tế*

- Chi phí: Giải pháp này gần như không làm phát sinh thêm chi phí cho xã hội, các bộ, ngành và các đối tượng áp dụng.

- Lợi ích: Các bộ, ngành sẽ không bị phát sinh chi phí, nhân lực cho việc triển khai quy định nêu trên tại Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg.

#### *b) Tác động về xã hội:*

- Mặt tích cực: Tác động tích cực về mặt xã hội của chính sách này hầu như không có.

- Mặt tiêu cực: Việc triển khai thủ tục đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn có thể gây khó khăn cho NHNN do quy định về thời hạn xử lý gấp cũng như hạn chế sự giám sát của các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan đối với các khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

#### *c) Tác động đối với hệ thống pháp luật*

- Về tính thống nhất và khả thi: Việc giữ nguyên quy định như hiện tại sẽ chưa tạo được khung pháp lý đầy đủ, toàn diện, đồng bộ để triển khai thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn cũng như việc giám sát hiệu quả hoạt động của các dự án, phương án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cấp tín dụng vượt giới hạn.

#### **2.4.2. Giải pháp 2B:**

##### *a) Tác động về kinh tế:*

- Chi phí: Khi bổ sung chính sách mới tại dự thảo Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg không làm phát sinh thêm chi phí quản lý nhà nước, không phát sinh thêm bộ máy tổ chức thi hành Quyết định của đối tượng điều chỉnh nên không làm phát sinh thêm chi phí cho xã hội, các bộ, ngành và các đối tượng áp dụng.

- Lợi ích: Chính sách được thực hiện sẽ hoàn thiện các quy định của Quyết định 13/2018/QĐ-TTg theo hướng cụ thể, chi tiết và rõ ràng tạo điều kiện cho TCTD, Ngân hàng Nhà nước cũng như các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan trong việc triển khai thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của TCTD. Việc các đối tượng áp dụng thực hiện tốt thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn góp phần đảm bảo cho cơ quan quản lý nhà nước có thể giám sát tốt hơn mức độ tập trung tín dụng của TCTD đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan, qua đó góp phần đảm bảo an toàn hệ thống TCTD.

##### *b) Tác động về xã hội:*

- Mặt tích cực: Chính sách này được thực hiện giúp cho quy trình, thủ tục đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn rõ ràng, mạch lạc hơn, giúp cho các TCTD theo dõi được quá trình xử lý của cơ quan có thẩm quyền khi đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn. Về phía NHNN, Bộ, ngành nâng cao hiệu quả tham mưu Thủ tướng Chính phủ về đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD cũng như thực hiện giám sát hiệu quả hoạt động của dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận. Qua đó, góp phần đảm bảo an toàn hoạt động của hệ thống TCTD, thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển.

- Mặt tiêu cực: Tác động tiêu cực về mặt xã hội của chính sách này hầu như không có.

##### *c) Tác động đối với hệ thống pháp luật*

- Về tính thống nhất và khả thi:

+ Việc bổ sung quy định về bỏ thời hạn xử lý của NHNN là phù hợp với tình hình triển khai thực tế. Theo đó, khoản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, mức cam kết tài trợ của TCTD đối với khách hàng thường rất lớn; nội dung cần tham gia ý kiến rất phức tạp, trách nhiệm lớn. Vì vậy, các Đơn vị được xin ý kiến rất thận trọng và phải lấy ý kiến

của các đơn vị có liên quan nên một số đơn vị không gửi ý kiến kịp thời theo quy định dẫn tới vượt thời hạn quy định.

Bên cạnh đó, việc bổ sung quy định mới này không gây mâu thuẫn, chồng chéo với các quy định khác của pháp luật.

+ Việc bổ sung thêm quy định trường hợp hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD không hợp lệ, NHNN có văn bản thông báo cho TCTD tại khoản 4, Điều 6 Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg và bổ sung thêm trách nhiệm của các Bộ, cơ quan, liên quan trong việc giám sát hiệu quả hoạt động của khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong phạm vi quản lý nhà nước của mình tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, rõ ràng, nâng cao vai trò, trách nhiệm của các bộ, ngành liên quan trong việc tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD.

Việc thực hiện giải pháp này không mâu thuẫn hoặc chồng chéo với các quy định khác của pháp luật liên quan.

## **2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Qua phân tích đánh giá các tác động của các chính sách về mặt kinh tế, xã hội đối với giải pháp đưa ra, Cơ quan soạn thảo đề xuất lựa chọn giải pháp 2B nhằm khắc phục những bất cập, hạn chế của quy định pháp luật hiện hành, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện cho việc thực hiện đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD, góp phần giám sát mức độ tập trung tín dụng của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, khách hàng và người có liên quan, góp phần đảm bảo an toàn hoạt động của hệ thống TCTD.

Để giải quyết triệt để vấn đề bất cập đã nêu, cần thiết phải trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/Đ-TTg.

## **3. Đánh giá chung về các chính sách**

### **3.1. Về tác động của thủ tục hành chính**

Các chính sách được đề xuất làm phát sinh 01 thủ tục hành chính. Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện đánh giá tác động của thủ tục hành chính theo quy định (*Biểu mẫu đính kèm*).

### **3.2. Về tác động về giới**

Các chính sách được đề xuất không có tác động đến các vấn đề về bình đẳng giới.

### **3.3. Về tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan**

Nhìn chung, các chính sách được đề xuất không trái với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, gồm Công ước Liên hiệp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC), Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC), Công ước quốc tế về chống tài trợ khủng bố.

### III. LẤY Ý KIẾN

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã tổ chức lấy ý kiến đối với về nội dung thay đổi chính sách nêu trên tại dự thảo Quyết định qua 02 hình thức:

1. Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan, đối tượng chịu sự tác động của chính sách.

2. Đăng tải nội dung về các thay đổi chính sách tại dự thảo Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg lên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Ngân hàng Nhà nước để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân.

### IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

- Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ, ngành có liên quan, TCTD.

- Cơ quan giám sát: Thủ tướng Chính phủ

Trên đây là nội dung Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thống đốc NHNN (để b/c);
- PTĐ Đào Minh Tú;
- Lưu: VP, VTD, TD3, V.T.Hường.

**KT. THÔNG ĐỐC  
PHÓ THÔNG ĐỐC**

**Đào Minh Tú**

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**  
**VIỆT NAM**

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**TRONG LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN**

**Tên văn bản đề nghị xây dựng:** Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

**Tên chính sách 1:** Thủ tục đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn

<b>1. Nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý?</b>	
	<p style="text-align: center;"><b>1. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH</b></p> <p>a) Nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý: Quy trình đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn</p> <p>Đề được cấp tín dụng vượt giới hạn, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành có liên quan có ý kiến đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, xem xét trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cho phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp tín dụng vượt giới hạn quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.</p> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý:</p> <p>(i) Khoản 7 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định: “7...<i>Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa trong trường hợp tổng mức dư nợ cấp tín dụng vượt quá các giới hạn quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này</i>”</p> <p>Nội dung này nhằm hướng dẫn thi hành Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.</p> <p>(ii) Việc cho phép tổ chức tín dụng được cấp tín dụng vượt giới hạn quy định tại Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng 2024 sẽ làm tăng mức độ tập trung tín dụng của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng, khách hàng và người có liên quan, ảnh hưởng đến an toàn hoạt động cho tổ chức tín dụng. Vì vậy, việc Thủ tướng Chính phủ xem xét các đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đối với một số trường hợp đặc biệt cần được quản lý chặt chẽ theo quy trình thực hiện rõ ràng, cụ thể.</p> <p>- Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản quy định: Nội dung này được quy định tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg ngày</p>

	06/03/2018, sẽ hết hiệu lực thi hành vào ngày 01/07/2024.
<p><b>2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?</b></p>	<p><b>a) Nội dung 1:</b>.....</p> <p>.....</p> <p>- Nếu rõ lý do Nhà nước cần quy định:.....</p> <p>.....</p> <p>- Nếu rõ điều, khoản và tên văn bản quy định (nếu nội dung này đã được quy định/ ban hành):.....</p> <p>.....</p> <p><b>b) Nội dung n (trình bày như trên, nếu có)</b> .....</p>
<p><b>3. Những phương án, giải pháp có thể sử dụng để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước; bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức nêu trên?</b></p>	<p><b>a) Quy định thủ tục hành chính:</b></p> <p>- Tên TTHC: Trình tự xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn</p> <p>(i) TTHC được: Quy định mới    Sửa đổi, bổ sung ✓</p> <p><b>b) Sử dụng các phương án, giải pháp khác không phải bằng quy định thủ tục hành chính:</b> Không ✓</p> <p>Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: Việc cho phép tổ chức tín dụng được cấp tín dụng vượt giới hạn quy định tại Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng sẽ làm tăng mức độ tập trung tín dụng của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng, khách hàng và người có liên quan, ảnh hưởng đến an toàn hoạt động cho tổ chức tín dụng. Vì vậy, việc Thủ tướng Chính phủ xem xét các đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đối với một số trường hợp đặc biệt cần được quản lý chặt chẽ theo quy trình thực hiện rõ ràng, cụ thể.</p>
<p><b>4. Lý do lựa chọn biện pháp quy định TTHC</b></p>	<p><b>a) Tên thủ tục hành chính 1:</b> Trình tự xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn</p> <p>- Lý do lựa chọn: Quy trình này đã được quy định tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg ngày 06/03/2018. Tuy nhiên, sau khi Luật các TCTD năm 2024 có hiệu lực thi hành thay thế Luật các TCTD năm 2010 (đã sửa đổi, bổ sung) thì Quyết định 13/2018/QĐ-TTg hết hiệu lực thi hành. Vì vậy, tại Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg cần ban hành trình tự mà các bên liên quan (tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ quản lý ngành có liên quan) phải thực hiện khi đề nghị/tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ xem xét đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng; đảm bảo kiểm soát chặt chẽ việc xử lý cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng.</p>
<p><b>II. DANH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b></p> <p><b>1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1:</b> Trình tự xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn</p>	



<b>1.1. Tình hợp pháp của thủ tục hành chính</b>	
a) Có đề xuất theo không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không
Nêu rõ lý do: Nội dung này nhằm hướng dẫn khoản 1, 2 và khoản 7 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.	
b) Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có      Không <input checked="" type="checkbox"/></li> <li>Nếu Có, đề nghị xác định rõ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tên bộ phận tạo thành:.....</li> <li>+ Nêu tên văn bản tương ứng: .....</li> <li>+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn đề xuất như tại đề nghị xây dựng văn bản:.....</li> </ul> </li> <li>- Với văn bản của cơ quan khác: Có      Không <input checked="" type="checkbox"/></li> <li>Nếu Có, đề nghị xác định rõ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tên bộ phận tạo thành:.....</li> <li>+ Nêu tên văn bản tương ứng: .....</li> <li>+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn đề xuất như tại đề nghị xây dựng văn bản:.....</li> </ul> </li> <li>- Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có      Không <input checked="" type="checkbox"/></li> <li>Nếu Có, đề nghị xác định rõ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tên bộ phận tạo thành:.....</li> <li>+ Nêu tên văn bản tương ứng: .....</li> <li>+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn đề xuất như tại đề nghị xây dựng văn bản:.....</li> </ul> </li> </ul>
<b>1.2. Tính hợp lý của thủ tục hành chính</b>	
<b>1.2.1 Tên thủ tục hành chính</b>	
a) Có được xác định rõ ràng và phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không
Nêu rõ lý do: Được xác định rõ ràng và phù hợp với quy định tại khoản 7, Điều 136 Luật các	

TCTD năm 2024

### 1.2.2. Đối tượng thực hiện

a) Đối tượng thực hiện:

- Tổ chức: Trong nước  Nước ngoài
  - Cá nhân: Trong nước  Nước ngoài
  - Lý do quy định: Hướng dẫn theo quy định tại Luật các TCTD năm 2024
  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện được không? Có  Không
- Nêu rõ lý do: Đối tượng tại dự thảo Quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Phạm vi áp dụng:

- Toàn quốc  Vùng  Địa phương
  - Nông thôn  Đô thị  Miền núi
  - Biên giới, hải đảo
  - Lý do quy định: Hướng dẫn theo quy định tại Luật các TCTD năm 2024
  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện được không? Có  Không
- Nêu rõ lý do: Phạm vi áp dụng tại dự thảo Quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

### 1.2.3. Cơ quan giải quyết

a) Có được xác định rõ thẩm quyền về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?

Có  Không   
Nêu rõ lý do: Dự thảo Quyết định đã quy định cụ thể NHNN là cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

c) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không

Có  Không   
Nêu rõ lý do: Thủ tướng Chính phủ giao NHNN kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn và xem xét trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn; NHNN không thể ủy quyền cho cơ quan, đơn vị khác thực hiện nhiệm vụ. quyền hạn do Thủ tướng Chính phủ giao.

### 1.3. Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

Có xác định phải nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không

- Lệ phí: Không  Có   
Nêu Có, nêu rõ lý do:.....

	- Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có Nếu Có, nêu rõ lý do:..... - Chi phí khác (nếu có): Không <input checked="" type="checkbox"/> Có Nếu Có, nêu rõ lý do:.....
--	--

**N. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỨ N (nếu có)**

**III. Thông tin liên hệ**

Họ và tên người điện: Vũ Thu Hương

Điện thoại cố định: 024.38269902 ; Di động: 0943130386 ; Email: huong.vuthu1@sbv.gov.vn

Số: 257/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành  
Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thi hành Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH.

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Lê Minh Khái**



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## KẾ HOẠCH

Triển khai thi hành Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15

(Ban hành kèm theo Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội Khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ năm (tháng 01 năm 2024), có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024. Để triển khai thi hành Luật Các tổ chức tín dụng kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả, Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Luật Các tổ chức tín dụng (sau đây gọi là Luật) với các nội dung sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

- Tổ chức thi hành Luật Các tổ chức tín dụng bảo đảm kịp thời, đồng bộ, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả;
- Xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật;
- Nâng cao nhận thức về Luật và trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc thi hành Luật.

#### 2. Yêu cầu

- Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, hiệu quả giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc triển khai thi hành Luật;
- Nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm, vai trò của cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì trong việc phối hợp các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc triển khai thi hành Luật;
- Xác định lộ trình cụ thể để bảo đảm từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, Luật và các văn bản quy định chi tiết Luật Các tổ chức tín dụng được thực hiện thống nhất, đồng bộ trên phạm vi cả nước;
- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kịp thời giải quyết vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện triển khai thi hành Luật.

## II. NỘI DUNG

### 1. Tuyên truyền, phổ biến Luật

a) Tổ chức quán triệt, phổ biến các quy định của Luật

- Cơ quan chủ trì: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Các Tổ chức tín dụng và các cơ quan, tổ chức liên quan.
- Hình thức: các hình thức phù hợp với điều kiện thực tiễn.
- Thời gian thực hiện: Quý I, Quý II năm 2024 và các năm tiếp theo.

b) Thực hiện đăng tải toàn văn nội dung Luật và các văn bản quy định chi tiết trên Cổng/Trang Thông tin điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật; biên soạn tài liệu phổ biến Luật và phối hợp với Bộ Tư pháp để cập nhật trên Cổng Thông tin điện tử Phổ biến giáo dục pháp luật quốc gia; tổ chức tuyên truyền Luật và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức phổ biến, tuyên truyền phù hợp khác.

- Cơ quan thực hiện: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các Bộ, cơ quan ngang Bộ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Các cơ quan truyền thông, báo chí.

- Thời gian thực hiện: Năm 2024 và các năm tiếp theo.

### 2. Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật:

a) Nội dung: Thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật thuộc thẩm quyền ban hành; kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định của Luật và các văn bản quy định chi tiết dưới Luật.

b) Cơ quan chủ trì: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì và tổng hợp kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật.

c) Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật thuộc thẩm quyền ban hành; gửi kết quả rà soát về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong tháng 4 năm 2024.

d) Thời gian hoàn thành: Tháng 4 năm 2024.

### 3. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Các tổ chức tín dụng:

a) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương xây dựng, trình Chính phủ ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật theo Danh mục và tiến độ quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo

văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường thứ 5 (do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo).

b) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát các nội dung quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành theo thẩm quyền, xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Luật Các tổ chức tín dụng theo thẩm quyền, đảm bảo phù hợp với hiệu lực thi hành của Luật Các tổ chức tín dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2024:

(i) Nội dung quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng thực hiện rà soát liên quan đến trách nhiệm của các bộ, ngành:

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam rà soát, xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội (khoản 2 Điều 16; khoản 2 Điều 17; khoản 1 Điều 19; khoản 4 Điều 20; khoản 4 Điều 22; Điều 26 của Luật); Nghị định của Chính phủ quy định về điều kiện cấp phép của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (khoản 5 Điều 29 của Luật); Nghị định của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt (khoản 2 Điều 110 của Luật); Nghị định của Chính phủ quy định về chương trình tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ (khoản 13 Điều 210 của Luật); Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (khoản 7 Điều 136 của Luật) và các quy định khác có liên quan của Luật.

- Bộ Tài chính rà soát, xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam (khoản 2 Điều 16; khoản 2 Điều 17; khoản 1 Điều 19; khoản 4 Điều 20; khoản 4 Điều 22; Điều 26 của Luật), Nghị định của Chính phủ quy định về cơ chế tài chính của ngân hàng chính sách (Điều 26 của Luật) và các quy định khác có liên quan của Luật.

- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội rà soát, xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về chế độ tiền lương và phụ cấp đối với cán bộ, viên chức ngân hàng chính sách (Điều 26 của Luật) và các quy định khác có liên quan của Luật.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về đăng ký biến động đất đai đối với tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (khoản 4 Điều 198 của Luật) và các quy định khác có liên quan của Luật.

- Bộ Tư pháp rà soát, xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về đăng ký thế chấp đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ

chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (khoản 4 Điều 198 của Luật) và các quy định khác có liên quan của Luật.

(ii) Đối với các văn bản đã được đưa vào Chương trình công tác của Chính phủ, Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của bộ, ngành: Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm cập nhật nội dung đã được rà soát phải sửa đổi, bổ sung hoàn thiện theo đúng quy định, chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện.

Đối với các văn bản chưa có trong Chương trình công tác của Chính phủ, Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của bộ, ngành: Các bộ, ngành chủ động rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền đưa vào Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện.

(iii) Thời gian hoàn thành: Thực hiện rà soát, xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản, đảm bảo văn bản có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

(Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản hướng dẫn thi hành Luật Các tổ chức tín dụng theo Phụ lục kèm theo Quyết định này).

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Trách nhiệm thực hiện**

a) Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch; tổng hợp các vướng mắc, bất cập trong quá trình thi hành Luật Các tổ chức tín dụng để có hướng dẫn, đề xuất tháo gỡ kịp thời; báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc thực hiện Kế hoạch này.

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; gửi kết quả thực hiện theo Kế hoạch về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

#### **2. Kinh phí thực hiện**

a) Kinh phí bảo đảm thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm của các bộ, cơ quan, đơn vị, địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Các cơ quan được phân công chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch này có trách nhiệm lập kế hoạch, dự toán, quyết toán, quản lý sử dụng và báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

c) Đối với các nhiệm vụ triển khai trong năm 2024, các bộ, cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động bố trí trong nguồn ngân sách nhà nước được giao năm 2024 để triển khai thực hiện theo quy định pháp luật./.





**Phụ lục**  
**PHÂN CÔNG CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH**  
**LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG SỐ 32/2024/QH15**  
(Kèm theo Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Hình thức văn bản hướng dẫn thi hành	Tên văn bản hướng dẫn thi hành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn trình	Ghi chú
1	Nghị định của Chính phủ	Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Bộ, ngành có liên quan	01/5/2024	Đảm bảo có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.
2	Nghị định của Chính phủ	Nghị định của Chính phủ quy định về điều kiện cấp phép của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Bộ, ngành có liên quan	01/5/2024	
3	Nghị định của Chính phủ	Nghị định của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Bộ, ngành có liên quan	01/5/2024	
4	Nghị định của Chính phủ	Nghị định của Chính phủ quy định về chương trình tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Bộ, ngành có liên quan	01/5/2024	
5	Nghị định của Chính phủ	Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Bộ Tài chính	Bộ, ngành có liên quan	01/5/2024	
6	Nghị định của Chính phủ	Nghị định của Chính phủ quy định về cơ chế tài chính của ngân hàng chính sách	Bộ Tài chính	Bộ, ngành có liên quan	01/5/2024	

7	Nghị định của Chính phủ	Nghị định của Chính phủ quy định về chế độ tiền lương và phụ cấp đối với cán bộ, viên chức ngân hàng chính sách	Bộ Lao động Thương binh và Xã hội	Bộ, ngành có liên quan	01/5/2024
8	Nghị định của Chính phủ	Nghị định của Chính phủ quy định về đăng ký biến động đất đai đối với tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ, ngành có liên quan	01/5/2024
9	Nghị định của Chính phủ	Nghị định của Chính phủ quy định về đăng ký thế chấp đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Bộ Tư pháp	Bộ, ngành có liên quan	01/5/2024
10	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Bộ, ngành có liên quan	01/5/2024

TTĐT(2)

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2018/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2018

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... S. ....
	Ngày: .. 03/4/18.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự  
đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức  
tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 7 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là tổ chức tín dụng) bao gồm:

1. Ngân hàng: Ngân hàng thương mại nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng hợp tác xã, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

2. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng: Công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác.

3. Tổ chức tài chính vi mô.

4. Quỹ tín dụng nhân dân.

5. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

6. Khách hàng vay vốn, tổ chức, cá nhân có liên quan.

## **Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 3. Điều kiện xem xét khoản cấp tín dụng vượt giới hạn**

1. Khách hàng vay vốn, dự án, phương án được đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đáp ứng các điều kiện sau:

a) Khách hàng đáp ứng đủ điều kiện cấp tín dụng theo quy định của pháp luật, không có nợ xấu trong 03 năm gần nhất liền trước năm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn, có hệ số nợ phải trả không quá ba lần vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của khách hàng tại thời điểm gần nhất với thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn;

b) Khách hàng có nhu cầu vốn để thực hiện các dự án, phương án sản xuất kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội thuộc một trong các trường hợp sau:

- Triển khai các dự án, phương án có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, cấp thiết nhằm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, phục vụ nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân thuộc các ngành, lĩnh vực: điện, than, dầu khí, xăng dầu, giao thông, vận tải công cộng và các lĩnh vực khác theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ từng thời kỳ.

- Triển khai các chương trình, dự án đầu tư được Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

- Đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích theo Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.

c) Dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đã được tổ chức tín dụng thẩm định là đảm bảo khả thi, khách hàng có khả năng trả nợ và quyết định cấp tín dụng; đáp ứng các quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Tổ chức tín dụng đáp ứng các điều kiện sau:

a) Về cấp tín dụng hợp vốn:

- Đã đề xuất và thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật về việc cấp tín dụng hợp vốn đối với dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn mà khả năng hợp vốn của các tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được yêu cầu vay vốn của một khách hàng; hoặc

- Đã phát hành thư mời hợp vốn tới ít nhất 5 tổ chức tín dụng khác, đăng trên trang thông tin điện tử chính thức của tổ chức tín dụng, các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian ít nhất 30 ngày làm việc nhưng không có tổ chức tín dụng khác tham gia hợp vốn.

b) Tại thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn, tổ chức tín dụng đáp ứng các yêu cầu về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan;

c) Thực hiện đầy đủ các yêu cầu liên quan đến trách nhiệm, nghĩa vụ được nêu tại hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn và các văn bản phê duyệt chấp thuận cấp tín dụng vượt giới hạn trước đó;

d) Đảm bảo giới hạn cấp tín dụng quy định tại khoản 8 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 khi tính cả khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đang đề nghị.

#### **Điều 4. Hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn**

1. Hồ sơ tổ chức tín dụng báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có dấu xác nhận của tổ chức tín dụng, bao gồm:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan theo mẫu tại Phụ lục đính kèm Quyết định này;

b) Các hồ sơ, tài liệu chứng minh tổ chức tín dụng đã đáp ứng điều kiện tại điểm a khoản 2 Điều 3 Quyết định này;

c) Văn bản thẩm định của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, dự án, phương án vay vốn của khách hàng;

d) Văn bản phê duyệt cấp tín dụng đối với khách hàng của cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng đề nghị;

đ) Văn bản đề nghị được cấp tín dụng tại tổ chức tín dụng của khách hàng;

e) Hồ sơ pháp lý liên quan đến khách hàng đề nghị cấp tín dụng, bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 03 năm liền trước năm đề nghị, các tài liệu liên quan khác;

g) Hồ sơ pháp lý liên quan đến dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng, bao gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản phê duyệt, chấp thuận dự án, phương án của cấp có thẩm quyền.

- Các tài liệu có liên quan khác.

h) Báo cáo về tình hình quan hệ tín dụng và nhu cầu cấp tín dụng vượt giới hạn của một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan theo Mẫu biểu số 01 tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.

2. Hồ sơ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ bao gồm Tờ trình của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kèm theo các tài liệu sau:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan;

b) Văn bản tham gia ý kiến của các bộ, ngành, địa phương có liên quan;

c) Văn bản giải trình của tổ chức tín dụng, khách hàng;

d) Các tài liệu có liên quan khác.

#### **Điều 5. Xác định mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn**

Mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan được xác định theo công thức:

$$\text{MCTDTĐ} = \text{DN} + \text{CC} + \text{ĐN}$$

Trong đó:

- MCTDTĐ là mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn;
- DN là tổng mức dư nợ cấp tín dụng tại thời điểm báo cáo;
- CC là số tiền còn được cấp theo hợp đồng tín dụng đã ký;
- ĐN là số tiền đề nghị cấp tín dụng mới được chấp thuận.

Trong công thức trên, DN, CC và ĐN được xác định như sau:

1. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng tại thời điểm báo cáo (DN) được tính vào mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn là tổng mức dư nợ cấp tín dụng của một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan tại tổ chức tín dụng tại thời điểm báo cáo, bao gồm:

a) Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đã cấp trong giới hạn cho phép thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng;

b) Tổng mức dư nợ cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn còn hiệu lực tính đến thời điểm báo cáo.

2. Số tiền còn được cấp theo hợp đồng tín dụng đã ký (CC) được tính vào mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn là số tiền còn lại mà tổ chức tín dụng còn được tiếp tục cấp tín dụng, bao gồm:

a) Số tiền còn cấp tín dụng của các hợp đồng tín dụng đã ký trong giới hạn cho phép thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng;

b) Số tiền còn cấp tín dụng của những khoản tín dụng đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn còn hiệu lực tính đến thời điểm báo cáo.

3. Đề nghị cấp tín dụng mới được chấp thuận (ĐN):

Số tiền đề nghị mới được tính vào mức cấp tín dụng tối đa là tổng số tiền của các khoản tín dụng mới được Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn.

## **Điều 6. Trình tự thủ tục xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn**

1. Tổ chức tín dụng gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 4 Quyết định này trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của tổ chức tín dụng:

- Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng không đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 3 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo cho tổ chức tín dụng trong đó ghi rõ các điều kiện mà tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được.

- Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng đã hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương có liên quan về các khía cạnh kinh tế - kỹ thuật - pháp lý của dự án, phương án và khách hàng đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các bộ, ngành, địa phương có ý kiến bằng văn bản về các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị mình gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu tổ chức tín dụng, khách hàng giải trình những vấn đề mà các bộ, ngành, địa phương có ý kiến trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các bộ, ngành, địa phương.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các bộ, ngành, địa phương hoặc ý kiến giải trình của tổ chức tín dụng, khách hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hồ sơ cấp tín dụng vượt giới hạn do tổ chức tín dụng cung cấp và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ cho tổ chức tín dụng biết, thực hiện.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

##### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

###### **1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

a) Chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ do tổ chức tín dụng cung cấp và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn, đảm bảo tuân thủ các điều kiện, trình tự, thủ tục theo quy định tại Quyết định này;

b) Thanh tra, giám sát việc thực hiện cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng;



c) Định kỳ hằng năm, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện các khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt còn hiệu lực; đồng thời gửi các bộ, ngành, địa phương có liên quan.

## 2. Các bộ, ngành, địa phương

a) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quyết định này;

b) Chịu trách nhiệm đối với các nội dung đã tham gia ý kiến đối với dự án, phương án, khách hàng đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn; chịu trách nhiệm khác trong phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị mình đối với dự án, phương án, khách hàng được cấp tín dụng vượt giới hạn theo quy định của pháp luật.

## 3. Tổ chức tín dụng

a) Thực hiện đúng các nội dung tại văn bản thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chỉ được sử dụng mức cấp tín dụng tối đa được phê duyệt cho từng dự án, phương án cụ thể đã đề nghị và được chấp thuận;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tổng hợp, tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng;

c) Chịu trách nhiệm về việc thẩm định, cấp tín dụng, kiểm tra kiểm soát sau cho vay, thu hồi nợ vay, xử lý rủi ro (nếu có) theo quy định đối với khoản cấp tín dụng vượt giới hạn;

d) Giám sát chặt chẽ, đảm bảo việc khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích và định kỳ ngày 12 hằng tháng báo cáo tình hình thực hiện khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Mẫu biểu số 02, 03 tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.

## **Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

2. Các trường hợp cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo các văn bản phê duyệt trước đó.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. //

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). XH 405



**Vương Đình Huệ**



Phụ lục

*(Theo Quyết định số 13/2018/QĐ-TTg  
ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)*

**TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG,  
CHI NHÁNH NGÂN HÀNG  
NƯỚC NGOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .... tháng .... năm ....

Số: .....

V/v đề nghị cấp tín dụng  
vượt giới hạn đối với khách hàng,  
khách hàng và người có liên quan

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Quyết định số...../2018/QĐ-TTg ngày.....tháng.... năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) báo cáo và kính đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn đối với trường hợp sau đây:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ CẤP TÍN DỤNG VƯỢT GIỚI HẠN**

1. Tên doanh nghiệp: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Số điện thoại:..... Fax: .....
4. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:.....
5. Vốn điều lệ, thông tin về quan hệ sở hữu, điều hành, các cổ đông chính.

6. Phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, nợ phải trả/vốn chủ sở hữu, xếp hạng tín nhiệm, phân loại nợ.

**II. THÔNG TIN VỀ KHOẢN TÍN DỤNG ĐỀ NGHỊ CẤP TÍN DỤNG VƯỢT GIỚI HẠN**

1. Báo cáo rõ giá trị, thời gian giải ngân, thời gian vay vốn, loại tiền và mục đích của khoản cấp tín dụng đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn; văn bản phê duyệt cấp tín dụng của cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng.

2. Thông tin cơ bản về dự án, phương án sản xuất kinh doanh đề nghị được cấp tín dụng vượt giới hạn<sup>1</sup>: Mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư, hồ sơ pháp lý (giấy chứng nhận đầu tư, quyết định phê duyệt, sự phù hợp với quy hoạch...), tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, các tổ chức tín dụng tham gia tài trợ và các thông tin liên quan khác.

<sup>1</sup> Bao gồm cả các chương trình, dự án đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện từ nguồn vốn phát hành trái phiếu.

- Trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị cấp hạn mức vốn lưu động: Tóm tắt kế hoạch sản xuất kinh doanh kỳ kế hoạch (Doanh thu, chi phí, lợi nhuận), xác định vòng quay vốn, xác định nhu cầu vốn lưu động bình quân, khả năng đáp ứng bằng vốn tự có, tổng nhu cầu vốn đề nghị cấp tín dụng tại hệ thống các tổ chức tín dụng (trong đó liệt kê cụ thể nhu cầu vốn tại từng tổ chức tín dụng), vốn khác.

- Trường hợp cấp tín dụng trung, dài hạn để thực hiện nhiều dự án nhỏ phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm của doanh nghiệp: Nêu rõ tổng số dự án doanh nghiệp thực hiện theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt; tổng nhu cầu vốn tín dụng trung, dài hạn của doanh nghiệp tại hệ thống các tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án, trong đó liệt kê cụ thể nhu cầu vốn tại từng tổ chức tín dụng, nhu cầu vốn của từng dự án.

3. Sự phù hợp với quy hoạch, tầm quan trọng, ý nghĩa của dự án, phương án sản xuất kinh doanh đối với sự phát triển kinh tế xã hội; ý nghĩa của khoản cấp tín dụng đối với kế hoạch, chiến lược kinh doanh, phát triển khách hàng của tổ chức tín dụng.

4. Tình hình thu xếp hợp vốn đối với khoản cấp tín dụng.

5. Ý kiến thăm định của tổ chức tín dụng về năng lực hoạt động của khách hàng, tính khả thi, hiệu quả của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, hình thức bảo đảm tiền vay, các rủi ro có thể phát sinh, phương án phòng ngừa rủi ro, xử lý rủi ro và đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng.

### III. TÌNH HÌNH QUAN HỆ TÍN DỤNG

- Nêu rõ tình hình quan hệ tín dụng hiện tại về cam kết, giải ngân, thu nợ, lịch sử vay trả nợ; tình hình quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng khác.

- Điền và đính kèm mẫu biểu về tình hình quan hệ tín dụng và nhu cầu cấp tín dụng vượt giới hạn đối với khách hàng, khách hàng và người có liên quan theo Mẫu biểu số 01 tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.

### IV. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG

- Tình hình vốn tự có tại thời điểm gần nhất.

- Tình hình thực hiện quy định hiện hành về các tỷ lệ bảo đảm an toàn tại thời điểm gần nhất; đánh giá tác động của khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đến các tỷ lệ bảo đảm an toàn này.

- Tình hình thực hiện các khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đối với khách hàng vay vốn đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận (nếu có).

- Tình hình tuân thủ quy định hiện hành về ngoại hối trong trường hợp khoản cấp tín dụng liên quan đến nhu cầu vốn bằng ngoại tệ.

- Tình hình thực hiện quy định tổng các khoản vượt giới hạn không được vượt quá bốn lần vốn tự có.

## V. KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

1. Kiến nghị rõ loại hình cấp tín dụng vượt giới hạn mà tổ chức tín dụng đề nghị Thủ tướng Chính phủ chấp thuận và mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa tương ứng thuộc một trong ba trường hợp sau:

a) Đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô:

- Cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn 15% vốn tự có đối với một khách hàng với mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 15% vốn tự có là...(1)...đề...(2)....

- Cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn 25% vốn tự có đối với khách hàng và người có liên quan với mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 25% vốn tự có là...(1)... đề...(2)....

- Cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn 15% vốn tự có đối với khách hàng và vượt 25% vốn tự có đối với khách hàng và người có liên quan với mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 15% vốn tự có là...(1)...và mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 25% vốn tự có là...(1)... đề...(2)....

b) Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng:

- Cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn 25% vốn tự có đối với một khách hàng với mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 25% vốn tự có là...(1)...đề...(2)....

- Cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn 50% vốn tự có đối với khách hàng và người có liên quan với mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 50% vốn tự có là...(1)... đề...(2)....

- Cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn 25% vốn tự có đối với khách hàng và vượt 50% vốn tự có đối với khách hàng và người có liên quan với mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 25% vốn tự có là...(1)... và mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 50% vốn tự có là...(1)... đề...(2)....

2. Cam kết tự quyết định và tự chịu trách nhiệm về việc cấp tín dụng vượt giới hạn.

(Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) xin cam kết tự xem xét, quyết định và tự chịu trách nhiệm về việc cấp tín dụng và thu hồi nợ vay; chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực, chính xác của nội dung trong văn bản đề nghị, các tài liệu kèm theo và chấp hành nghiêm túc các quy định tại Quyết định số...../2018/QĐ-TTg ngày.....tháng .... năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan./.

*Nơi gửi:*

- Như trên;

....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi rõ số tiền theo nguyên tệ, tỷ lệ % tính trên vốn tự có;
- (2) Mục đích của khoản cấp tín dụng.



(Trong đó chi tiết theo người có liên quan. Xác định người có liên quan theo Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: Công ty mẹ, các công ty con của cùng một công ty mẹ...)																				
2.1. Công ty A1																				
2.1.1 Ngắn hạn																				
+ Hợp đồng cấp tín dụng... ký ngày...		...																		
...		...																		
2.1.2 Trung, dài hạn																				
+ Hợp đồng cấp tín dụng... ký ngày...		...																		
...		...																		
2.2. Công ty A2																				
...		...																		
Tổng cộng (1.) và (2.)		Quy VND																		
		VND																		
Tổng số theo loại tiền		USD																		
		...																		

**LẬP BIỂU**

**KIỂM SOÁT**

..... ngày ..... tháng ... nă  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

(Ghi rõ số điện thoại liên hệ)





2.1	Khoản vay 1 (Chỉ tiết theo loại tiền)	Quy																			
		VND	USD																		
2.2	Khoản vay 2 (Chỉ tiết theo loại tiền)	Quy																			
		VND																			
		USD																			
...	..																				

**Chú thích:**

1. Tỷ giá ..... tại thời điểm ...../...../.....
2. Vốn tự có của TCTD tại thời điểm ...../...../.....

....., ngày .... tháng .... năm ...

**LẬP BIỂU****KIỂM SOÁT****NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

(Ghi rõ số điện thoại liên hệ)

1. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức tín dụng có khoản cấp tín dụng vượt giới hạn được phê duyệt còn hiệu lực.
2. Yêu cầu số liệu báo cáo: Trụ sở chính tổ chức tín dụng tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
3. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 12 của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo.
4. Hướng dẫn lập báo cáo:
  - Tổ chức tín dụng báo cáo tình hình cấp tín dụng vượt giới hạn đối với cả các khoản cấp tín dụng theo Quyết định này và các khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đã được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực.
  - Đối với mỗi khoản vay và khách hàng được chấp thuận cấp tín dụng vượt giới hạn: Cột (5) ghi rõ hạn mức tín dụng vượt giới hạn được chấp thuận đối với từng khoản cho vay và hạn mức cấp tín dụng tối đa đối với khách hàng đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt, cột (16) ghi rõ số công văn và ngày, tháng, năm của công văn chấp thuận việc cấp tín dụng vượt giới hạn.

- Cột (9) = Cột (6) + cột (7) + cột (8).
- Cột (12): Ghi nhóm nợ của từng khách hàng, nhận các giá trị (1, 2, 3, 4, 5).
- Cột (14): Ghi rõ thông tin hình thức bảo đảm tiền vay; bao gồm hình thức bảo đảm là cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ, tín chấp.
- Cột (17) Ghi chú: Ghi rõ mục đích sử dụng vốn vay, thời hạn hiệu lực của khoản cấp tín dụng vượt giới hạn (nếu có),....
- Nơi nhận: Tổ chức tín dụng lập thành 2 bản báo cáo, 1 bản gửi về Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, 1 bản gửi về Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Địa chỉ: 25 Lý Thường Kiệt - Quận Hoàn Kiếm - Thành phố Hà Nội.





# BẢNG THUYẾT MINH QUYẾT ĐỊNH THAY THẾ QUYẾT ĐỊNH 13/2018/QĐ-TTg

## I. Sự cần thiết ban hành Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg:

### 1. Cơ sở pháp lý:

Ngày 18/01/2024, Quốc hội đã thông qua Luật các TCTD năm 2024, có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024. Theo đó, khoản 7, Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định về giới hạn cấp tín dụng như sau:

“1. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó của ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô không được vượt quá tỷ lệ sau đây:

a) Từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2026: 14% vốn tự có đối với một khách hàng; 23% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;

b) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2027: 13% vốn tự có đối với một khách hàng; 21% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;

c) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2028: 12% vốn tự có đối với một khách hàng; 19% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;

d) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2028 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2029: 11% vốn tự có đối với một khách hàng; 17% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;

đ) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2029: 10% vốn tự có đối với một khách hàng; 15% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó.

2. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó không được vượt quá 25% vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

7. Trong trường hợp đặc biệt, để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà khả năng hợp vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa đáp ứng được yêu cầu vay vốn của một khách hàng thì Thủ tướng Chính phủ quyết định mức cấp tín dụng tối đa trong trường hợp tổng mức dư nợ cấp tín dụng vượt quá giới hạn quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này.

Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa trong trường hợp tổng mức dư nợ cấp tín dụng vượt quá giới hạn quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này”.

Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 13/2018/QĐ-TTg ngày 06/03/2018 quy định về về điều kiện, hồ sơ, trình tự đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tuy nhiên, theo danh mục ban hành văn bản quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 50/QĐ-TTg ngày 11/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 13/2018/QĐ-TTg là văn bản quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng. Do vậy, khi Luật này hết hiệu lực thì hành thi Quyết định 13/2018/QĐ-TTg sẽ đồng thời hết hiệu lực. Bên cạnh đó, trong quá trình thực tế triển khai Quyết định 13/2018/QĐ-TTg phát sinh một số nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp hơn.

## **2. Cơ sở thực tiễn:**

Việc cho phép tổ chức tín dụng được cấp tín dụng vượt giới hạn quy định tại Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng 2024 sẽ làm tăng mức độ tập trung tín dụng của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng, khách hàng và người có liên quan, ảnh hưởng đến an toàn hoạt động cho tổ chức tín dụng. Vì vậy, việc Thủ tướng Chính phủ xem xét các đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đối với một số trường hợp đặc biệt cần được quản lý chặt chẽ theo quy trình thực hiện rõ ràng, cụ thể.

## **II. Định hướng xây dựng dự thảo Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg:**

Dự thảo Quyết định được xây dựng trên cơ sở kế thừa những quy định còn phù hợp của Quyết định 13/2018/QĐ-TTg và sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và tình hình thực tế triển khai Quyết định 13/2018/QĐ-TTg.

## **III. Bố cục của dự thảo Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg:**

Dự thảo Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg gồm 3 chương, 8 Điều, cụ thể:

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh
- Điều 2: Đối tượng áp dụng
- Điều 3: Điều kiện xem xét chấp thuận khoản cấp tín dụng vượt giới hạn
- Điều 4: Hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn
- Điều 5: Xác định mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn
- Điều 6: Thủ tục xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn
- Điều 7: Tổ chức thực hiện
- Điều 8: Điều khoản thi hành

**IV. Bảng so sánh, thuyết minh các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Quyết định**

<p><b>Quyết định 13/2018/QĐ-TTg</b></p>	<p><b>Dự thảo Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg</b> (Dự thảo ngày / /2024)</p>	<p><b>Lý do sửa đổi, bổ sung</b></p>
<p>Tên Quyết định: Quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</p>	<p>Tên Quyết định: Quy định về điều kiện, hồ sơ, <del>trình tự</del> thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 7, Điều 136 Luật các TCTD năm 2024</p>
<p><b>Chương I</b> <b>NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b></p>	<p><b>Chương I</b> <b>NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b></p>	
<p><b>Điều 1: Phạm vi điều chỉnh</b> Quyết định này quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 7 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã sửa đổi, bổ sung).</p>	<p><b>Điều 1: Phạm vi điều chỉnh</b> Quyết định này quy định về điều kiện, hồ sơ, <del>trình tự</del> thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của <b>khách hàng</b> đó theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 7 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã sửa đổi, bổ sung) <b>Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.</b></p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản Điều 136 Luật các TCTD năm 2024</p>
<p><b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b> Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là tổ chức tín dụng) bao gồm:  1. Ngân hàng: Ngân hàng thương mại nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng hợp tác xã; ngân hàng liên</p>	<p><b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b> 1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là tổ chức tín dụng) bao gồm:  + a) Ngân hàng: Ngân hàng thương mại nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng hợp tác xã; ngân hàng liên</p>	<p>- Phù hợp với định nghĩa mới về tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại khoản 41, Điều 4 Luật các</p>



<p>doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng: Công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác.</p> <p>3. Quỹ tín dụng nhân dân;</p> <p>4. Tổ chức tài chính vi mô;</p> <p>5. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>6. Khách hàng vay vốn, tổ chức, cá nhân có liên quan.</p>	<p>doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài.</p> <p>2. b) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng: <del>Công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác. Công ty tài chính tổng hợp; Công ty tài chính chuyên ngành;</del></p> <p>3. c) Quỹ tín dụng nhân dân;</p> <p>4. d) Tổ chức tài chính vi mô;</p> <p>5. e) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>2. Khách hàng vay vốn, tổ chức, cá nhân có liên quan.</p>	<p>TCTD năm 2024</p>
<p><b>Điều 3. Điều kiện xem xét khoản cấp tín dụng vượt giới hạn</b></p> <p>1. Khách hàng vay vốn, dự án, phương án được đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đáp ứng các Điều kiện sau:</p>	<p><b>Điều 3. Điều kiện xem xét khoản cấp tín dụng vượt giới hạn</b></p> <p>1. Khách hàng vay vốn, dự án, phương án được đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đáp ứng các điều kiện sau:</p>	<p>- Việc điều chỉnh điều kiện khách hàng</p>
<p>a) Khách hàng đáp ứng đủ Điều kiện cấp tín dụng theo quy định của pháp luật, không có nợ xấu trong 03 năm gần nhất liền trước năm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn, có hệ số nợ phải trả không quá ba lần vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của khách hàng tại thời điểm gần nhất với thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn;</p>	<p>a) Khách hàng đáp ứng đủ điều kiện cấp tín dụng theo quy định của pháp luật, không có nợ xấu trong 03 năm gần nhất liền trước 02 năm liền kề trước thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn, có hệ số nợ phải trả không quá ba lần trên vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của khách hàng tại thời điểm gần nhất với thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn <b>không quá ba lần.</b></p>	

<p>b) Khách hàng có nhu cầu vốn đề thực hiện các dự án, phương án sản xuất kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội thuộc một trong các trường hợp sau:</p>	<p>b) Khách hàng có nhu cầu vốn đề thực hiện các dự án, phương án sản xuất kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của đất nước thuộc một trong các trường hợp sau:</p>	
<p>- Triển khai các dự án, phương án có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, cấp thiết nhằm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, phục vụ nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân thuộc các ngành, lĩnh vực: điện, than, dầu khí, xăng dầu, giao thông, vận tải công cộng và các lĩnh vực khác theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ từng thời kỳ.</p>	<p>- Triển khai các dự án, phương án có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, cấp thiết nhằm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, phục vụ nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân thuộc các ngành, lĩnh vực: điện, than, dầu khí, xăng dầu, giao thông, vận tải công cộng và các lĩnh vực khác theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ từng thời kỳ.</p>	
<p>- Triển khai các Chương trình, dự án đầu tư được Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.</p> <p>- Đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích theo Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.</p>	<p>- Triển khai các chương trình, dự án đầu tư được Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.</p> <p>- Đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích theo Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.</p>	
<p>c) Dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đã được tổ chức tín dụng thẩm định là đảm bảo khả thi, khách hàng có khả năng trả nợ và quyết định cấp tín dụng; đáp ứng các quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p>	<p>c) Dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đã được tổ chức tín dụng thẩm định <del>đảm bảo khả thi</del> và <b>đánh giá là khả thi</b>, khách hàng có khả năng trả nợ và quyết định cấp tín dụng; đáp ứng các quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng</p>	<p>- Phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 7 Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định: <i>“TCTD xem xét quyết định cho vay khi khách hàng có đủ các điều kiện sau đây: 3. Có phương án sử dụng vốn khả thi”</i>.</p> <p>Bên cạnh đó, do TCTD căn cứ trên hồ sơ của khách hàng cung cấp để đánh giá phương án khả thi/không</p>

<p>2. Tổ chức tín dụng đáp ứng các Điều kiện sau:</p> <p>a) Về cấp tín dụng hợp vốn:</p> <p>- Đã đề xuất và thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật về việc cấp tín dụng hợp vốn đối với dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn mà khả năng hợp vốn của các tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được yêu cầu vay vốn của một khách hàng; hoặc</p>	<p>Ký đầu tư.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Về cấp tín dụng hợp vốn:</p> <p>- Đã đề xuất và thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật về việc cấp tín dụng hợp vốn đối với dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn mà khả năng hợp vốn của các tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được yêu cầu vay vốn của một khách hàng; hoặc</p>	<p>khả thi. Do vậy, việc đảm bảo một phương án chưa xây ra là khả thi là chưa phù hợp.</p>
<p>- Đã phát hành thư mời hợp vốn tới ít nhất 5 tổ chức tín dụng khác, đăng trên trang thông tin điện tử chính thức của tổ chức tín dụng; các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian ít nhất 30 ngày làm việc nhưng không có tổ chức tín dụng khác tham gia hợp vốn.</p>	<p>- Đã phát hành thư mời hợp vốn tới ít nhất 5 tổ chức tín dụng khác; đăng tải thư mời hợp vốn trên trang thông tin điện tử chính thức của tổ chức tín dụng và các phương tiện thông tin đại chúng và Tập chí ngân hàng hoặc Thời báo ngân hàng trong thời gian ít nhất 30 ngày làm việc nhưng không có tổ chức tín dụng khác tham gia hợp vốn.</p>	<p>- Việc phải công khai trên phương tiện thông tin đại chúng là chưa rõ ràng do TCTD không biết công khai trên phương tiện thông tin đại chúng nào.</p> <p>Bên cạnh đó, trang thông tin điện tử chính thức của TCTD, Tập chí ngân hàng hoặc Thời báo ngân hàng cũng là một phương tiện thông tin đại chúng. Việc quy định tại dự thảo Quyết định rõ ràng, cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi và chủ động hơn cho TCTD trong việc mời các TCTD khác tham gia cấp tín dụng hợp vốn.</p>
<p>b) Tại thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn, tổ chức tín dụng đáp ứng các yêu cầu về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn</p>	<p>b) Tại thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn, tổ chức tín dụng đáp ứng các yêu cầu về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật các</p>	<p>- Việc quy định rõ TCTD phải đáp ứng các yêu cầu về giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động theo quy định</p>

<p>trong hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan;</p> <p>c) Thực hiện đầy đủ các yêu cầu liên quan đến trách nhiệm, nghĩa vụ được nêu tại hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn và các văn bản phê duyệt chấp thuận cấp tín dụng vượt giới hạn trước đó;</p> <p>d) Đảm bảo giới hạn cấp tín dụng quy định tại Khoản 8 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 khi tính cả Khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đang đề nghị.</p>	<p>tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>c) Thực hiện đầy đủ các yêu cầu liên quan đến trách nhiệm, nghĩa vụ được nêu tại hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn và các văn bản phê duyệt chấp thuận cấp tín dụng vượt giới hạn trước đó.</p> <p>d) Đảm bảo giới hạn cấp tín dụng quy định tại Khoản 8 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 tuân thủ quy định về giới hạn cấp tín dụng tại khoản 8 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 khi tính cả khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đang đề nghị.</p>	<p>tại Luật các TCTD để đảm bảo tính rõ ràng, mạch lạc của quy định và thuận lợi trong quá trình triển khai, thực hiện.</p> <p>- Phù hợp với quy định tại Luật các TCTD năm 2024</p>
<p><b>Điều 4. Hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn</b></p> <p>1. Hồ sơ tổ chức tín dụng báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p> <p>Hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là bản sao được cấp từ số gốc hoặc bản sao có dấu xác nhận của tổ chức tín dụng, bao gồm:</p> <p>a) Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên</p>	<p><b>Điều 4. Hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn</b></p> <p>1. Hồ sơ tổ chức tín dụng báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p> <p>Hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là bản sao được cấp từ số gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao có dấu xác nhận của tổ chức tín dụng, bao gồm:</p> <p>a) Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên</p>	<p>- Việc quy định tại dự thảo Quyết định tạo cơ sở pháp lý để TCTD thực hiện theo đúng quy định.</p>

<p>quan theo mẫu tại Phụ lục đính kèm Quyết định này;</p> <p>b) Các hồ sơ, tài liệu chứng minh tổ chức tín dụng đã đáp ứng Điều kiện tại điểm a Khoản 2 Điều 3 Quyết định này;</p> <p>c) Văn bản thẩm định của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, dự án, phương án vay vốn của khách hàng;</p> <p>d) Văn bản phê duyệt cấp tín dụng đối với khách hàng của cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng đề nghị;</p> <p>đ) Văn bản đề nghị được cấp tín dụng tại tổ chức tín dụng của khách hàng;</p> <p>e) Hồ sơ pháp lý liên quan đến khách hàng đề nghị cấp tín dụng, bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 03 năm liên tiếp năm đề nghị, các tài liệu liên quan khác;</p> <p>g) Hồ sơ pháp lý liên quan đến dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản phê duyệt, chấp thuận dự án, phương án của cấp có thẩm quyền.</li> <li>- Các tài liệu có liên quan khác.</li> <li>h) Báo cáo về tình hình quan hệ tín dụng và nhu cầu cấp tín dụng vượt giới hạn của một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan theo Mẫu biểu số 01 tại Phụ</li> </ul>	<p>quan của khách hàng đó theo mẫu tại Phụ lục đính kèm Quyết định này;</p> <p>b) Các hồ sơ, tài liệu chứng minh tổ chức tín dụng đã đáp ứng điều kiện tại điểm a khoản 2 Điều 3 Quyết định này;</p> <p>c) Văn bản thẩm định của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, dự án, phương án vay vốn của khách hàng;</p> <p>d) Văn bản phê duyệt cấp tín dụng đối với khách hàng của cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng đề nghị;</p> <p>đ) Văn bản đề nghị được cấp tín dụng tại tổ chức tín dụng của khách hàng;</p> <p>e) Hồ sơ pháp lý liên quan đến khách hàng đề nghị cấp tín dụng, bao gồm: - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận thành lập, Quyết định thành lập hoặc các tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức, báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 03 năm liên tiếp năm đề nghị 02 năm liên tiếp trước thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn; các tài liệu liên quan khác (nếu có);</p> <p>g) Hồ sơ pháp lý liên quan đến dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản phê duyệt, chấp thuận dự án, phương án của cấp có thẩm quyền.</li> <li>- Các tài liệu có liên quan khác.</li> <li>h) Báo cáo về tình hình quan hệ tín dụng và nhu cầu cấp tín dụng vượt giới hạn của một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó theo Mẫu</li> </ul>	<p>- Chính sửa cho phù hợp với quy định tại Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 hướng dẫn Luật Đầu tư và Khoản 1, Điều 3 Quyết định này.</p>
		<p>- Cho phù hợp với quy định tại Điều 136 Luật các TCTD năm 2024.</p>

lục đính kèm Quyết định này.

2. Hồ sơ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ bao gồm Tờ trình của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kèm theo các tài liệu sau:

- a) Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan;
- b) Văn bản tham gia ý kiến của các bộ, ngành, địa phương có liên quan;
- c) Văn bản giải trình của tổ chức tín dụng, khách hàng;
- d) Các tài liệu có liên quan khác.

**Điều 5. Xác định mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn**

Mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan được xác định theo công thức:

$$MCTDTPD = DN + CC + DN$$

Trong đó:

- MCTDTPD là mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn;
- DN là tổng mức dư nợ cấp tín dụng tại thời điểm báo cáo;
- CC là số tiền còn được cấp theo hợp đồng tín dụng đã ký;

biểu số 01 tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.

2. Hồ sơ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ bao gồm Tờ trình của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kèm theo các tài liệu sau:

- a) Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;
- b) Văn bản tham gia ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương có liên quan;
- c) Văn bản giải trình của tổ chức tín dụng, khách hàng (nếu có);
- d) Các tài liệu có liên quan khác (nếu có).

**Điều 5. Xác định mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn**

Mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó được xác định theo công thức:

$$MCTDTPD = DN + CC + DN + TMDN + DN$$

Trong đó:

- MCTDTPD là mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn;
- DN là tổng mức dư nợ cấp tín dụng tại thời điểm báo cáo;
- CC là số tiền còn được cấp theo hợp đồng tín dụng đã ký;
- TMDN là tổng mức dư nợ cấp tín

- Công thức xác định mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn được điều chỉnh trên cơ sở hướng dẫn của NHNN về cách xác định tổng mức dư nợ cấp tín dụng.

<p>- DN là số tiền đề nghị cấp tín dụng mới được chấp thuận.</p> <p>Trong công thức trên, DN, CC và DN được xác định như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tổng mức dư nợ cấp tín dụng tại thời điểm báo cáo (DN) được tính vào mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn là tổng mức dư nợ cấp tín dụng của một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan tại tổ chức tín dụng tại thời điểm báo cáo, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đã cấp trong giới hạn cho phép thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng;</li> <li>b) Tổng mức dư nợ cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn còn hiệu lực tính đến thời điểm báo cáo.</li> </ul> </li> <li>Số tiền còn được cấp theo hợp đồng tín dụng đã ký (CC) được tính vào mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn là số tiền còn lại mà tổ chức tín dụng còn được tiếp tục cấp tín dụng, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Số tiền còn cấp tín dụng của các hợp đồng tín dụng đã ký trong giới hạn cho phép thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng;</li> <li>b) Số tiền còn cấp tín dụng của những Khoản tín dụng đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn còn hiệu lực tính đến thời điểm báo cáo.</li> </ul> </li> </ol>	<p><b>dụng tại thời điểm báo cáo;</b></p> <p>- DN là số tiền đề nghị cấp tín dụng mới được chấp thuận.</p> <p>Trong công thức trên, DN, CC TMDN và DN được xác định như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tổng mức dư nợ cấp tín dụng tại thời điểm báo cáo (TMDN) được tính vào mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn là tổng mức dư nợ cấp tín dụng của một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó tại tổ chức tín dụng tại thời điểm báo cáo, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đã cấp trong giới hạn cho phép thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng; hoặc</li> <li>b) Tổng mức dư nợ cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn còn hiệu lực tính đến thời điểm báo cáo.</li> </ul> </li> <li>Số tiền còn được cấp theo hợp đồng tín dụng đã ký (CC) được tính vào mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn là số tiền còn lại mà tổ chức tín dụng còn được tiếp tục cấp tín dụng, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Số tiền còn cấp tín dụng của các hợp đồng tín dụng đã ký trong giới hạn cho phép thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng;</li> <li>b) Số tiền còn cấp tín dụng của những Khoản tín dụng đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn còn hiệu lực tính đến thời điểm báo cáo.</li> </ul> </li> </ol>
---	---

<p>3. Đề nghị cấp tín dụng mới được chấp thuận (DN):</p> <p>Số tiền đề nghị mới được tính vào mức cấp tín dụng tối đa là tổng số tiền của các Khoản tín dụng mới được Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn.</p>	<p>2. Đề nghị cấp tín dụng mới được chấp thuận (DN):</p> <p>Số tiền đề nghị mới được tính vào mức cấp tín dụng tối đa là tổng số tiền của khoản tín dụng mới được Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn.</p>	
<p><b>Điều 6. Trình tự thủ tục xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 4 Quyết định này trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện.</p> <p>2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của tổ chức tín dụng:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng không đáp ứng được các Điều kiện quy định tại Điều 3 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo cho tổ chức tín dụng trong đó ghi rõ các Điều kiện mà tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng đã hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương có liên quan về các khía cạnh kinh tế - kỹ thuật - pháp lý của dự án, phương án và khách hàng đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn.</p>	<p><b>Điều 6. Trình tự Thủ tục xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1, Điều 4 Quyết định này trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu-điện bưu chính.</p> <p>2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của tổ chức tín dụng:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng không đáp ứng được các Điều kiện quy định tại Điều 3 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo cho tổ chức tín dụng trong đó ghi rõ các Điều kiện mà tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng đã hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương có liên quan về các khía cạnh kinh tế - kỹ thuật - pháp lý của dự án, phương án và khách hàng đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn.</p>	<p>- Chính sửa cho phù hợp với quy định tại khoản 7, Điều 136 Luật các TCTD.</p>
<p>3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các bộ, ngành,</p>	<p>3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các bộ,</p>	<p>- Chính sửa, hoàn thiện để tránh trùng lặp, đảm bảo tính mạch lạc của quy định.</p>



<p>địa phương có ý kiến bằng văn bản về các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị mình gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu tổ chức tín dụng, khách hàng giải trình những vấn đề mà các bộ, ngành, địa phương có ý kiến trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các bộ, ngành, địa phương.</p>	<p>ngành, địa phương có ý kiến bằng văn bản về các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị mình gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trường hợp cần thiết Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu tổ chức tín dụng, khách hàng giải trình những vấn đề mà các bộ, ngành, địa phương có ý kiến trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các bộ, ngành, địa phương về các vấn đề có liên quan (nếu có).</p>	<p>- NHNN đề nghị bỏ thời hạn xử lý của NHNN, do:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quá trình xử lý một khoản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn thường rất phức tạp, mất rất nhiều thời gian nên dẫn tới không đáp ứng đúng quy định thời hạn tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg.</li> <li>+ Thực tế triển khai cho thấy, sau khi Quyết định 13/2018/QĐ-TTg ban hành và có hiệu lực thi hành, NHNN đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt 01 khoản cấp tín dụng vượt giới hạn của NHTM CP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) đối với EVN đề thực hiện Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1.</li> <li>+ NHNN đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét Khoản cấp tín</li> </ul>
<p>4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các bộ, ngành, địa phương hoặc ý kiến giải trình của tổ chức tín dụng, khách hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hồ sơ cấp tín dụng vượt giới hạn do tổ chức tín dụng cung cấp và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng.</p>	<p>4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Sau khi nhận được ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương hoặc ý kiến giải trình của tổ chức tín dụng, khách hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn do tổ chức tín dụng cung cấp:</p> <p>và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng không đáp ứng được các điều kiện tại Điều 3 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo cho tổ chức tín dụng trong đó ghi rõ điều kiện mà tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng đã hợp lệ, đáp ứng điều kiện tại Điều 3 Quyết định này, NHNN trình Thủ</li> </ul>	

**tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng.**

dùng vượt giới hạn nêu trên rất chặt chẽ, bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg và các quy định của pháp luật có liên quan. Theo đó, trong quá trình xem xét, NHNN có nhiều văn bản yêu cầu TCTD giải trình, bổ sung những nội dung cần làm rõ; nhiều lần xin ý kiến các Bộ, ngành có liên quan; các Vụ, Cục thuộc NHNN có nhiều lần có văn bản tham gia ý kiến. Ngoài ra, Thường trực Chính phủ họp 02 lần cho ý kiến về đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của Vietcombank.

+ Do khoản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, mức cam kết tài trợ của TCTD đối với khách hàng rất lớn; nội dung cần tham gia ý kiến rất phức tạp, trách nhiệm lớn. Vì vậy, các Đơn vị được xin ý kiến rất thận trọng và phải lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan nên một số đơn vị không gửi ý kiến kịp thời theo quy định dẫn tới vượt thời hạn quy định tại khoản 4, Điều 6 Quyết định 13/2018/QĐ-TTg.

Vì vậy, việc quy định thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận đầy đủ ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương hoặc ý kiến giải trình của tổ chức tín dụng, NHNN trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn theo quy định tại Quyết định 13/2018/QĐ-

		<p>TTg là chưa phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình triển khai thực tế.</p> <p>- NHNN xét thấy, việc kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn sau khi có đầy đủ ý kiến của các bộ, ngành, địa phương có liên quan là khách quan, phù hợp, đảm bảo tính đầy đủ, rõ ràng của quy định. Trên cơ sở đó, trường hợp hồ sơ không hợp lệ, NHNN có văn bản thông báo cho TCTD. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, NHNN báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD.</p> <p>- Chính sửa cho phù hợp với quy định tại khoản 7, Điều 136 Luật các TCTD năm 2024 là Thủ tướng Chính phủ quyết định mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn</p>
<p><b>Điều 7. Tổ chức thực hiện</b></p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p>	<p><b>Điều 7. Tổ chức thực hiện</b></p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p>	

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ cho tổ chức tín dụng biết, thực hiện.

~~5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ cho tổ chức tín dụng biết, thực hiện. Căn cứ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành, địa phương, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến bằng văn bản đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng.~~

<p>a) Chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ do tổ chức tín dụng cung cấp và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn, đảm bảo tuân thủ các Điều kiện, trình tự, thủ tục theo quy định tại Quyết định này;</p> <p>b) Thanh tra, giám sát việc thực hiện cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng;</p> <p>c) Định kỳ hàng năm, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện các Khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt còn hiệu lực; đồng thời gửi các bộ, ngành, địa phương có liên quan.</p> <p>2. Các bộ ngành, địa phương</p> <p>a) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Quyết định này;</p> <p>b) Chịu trách nhiệm đối với các nội dung đã tham gia ý kiến đối với dự án, phương án, khách hàng đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn; chịu trách nhiệm khác trong phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị mình đối với dự án, phương án, khách hàng được cấp tín dụng vượt giới hạn theo quy định của pháp luật.</p>	<p>a) Chịu trách nhiệm thẩm định tính hợp lý, hợp lệ hồ sơ do tổ chức tín dụng cung cấp và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn, đảm bảo tuân thủ các điều kiện, trình tự, thủ tục theo quy định tại Quyết định này;</p> <p>b) Thanh tra, giám sát việc thực hiện cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng.</p> <p>c) Định kỳ hàng năm, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện các khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt còn hiệu lực; đồng thời gửi các bộ, ngành, địa phương có liên quan.</p> <p>2. Các bộ, ngành, địa phương</p> <p>a) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Quyết định này.</p> <p>b) Chịu trách nhiệm đối với các nội dung đã tham gia ý kiến đối với dự án, phương án, khách hàng đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn; chịu trách nhiệm khác trong phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị mình đối với dự án, phương án, khách hàng được cấp tín dụng vượt giới hạn theo quy định của pháp luật.</p>	<p>- Chính sửa cho phù hợp với quy định tại khoản 4, Điều 6 Quyết định này.</p> <p>- Chính sửa cho phù hợp với quy định tại khoản 7, Điều 136 Luật các TCTD năm 2024.</p>
<p>- Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, rõ ràng</p>		

<p>3. Tô chức tín dụng</p> <p>a) Thực hiện đúng các nội dung tại văn bản thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chỉ được sử dụng mức cấp tín dụng tối đa được phê duyệt cho từng dự án, phương án cụ thể đã đề nghị và được chấp thuận;</p> <p>b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tổng hợp, tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng;</p> <p>c) Chịu trách nhiệm về việc thẩm định, cấp tín dụng, kiểm tra kiểm soát sau cho vay, thu hồi nợ vay, xử lý rủi ro (nếu có) theo quy định đối với Khoản cấp tín dụng vượt giới hạn;</p> <p>d) Giám sát chặt chẽ, đảm bảo việc khách hàng sử dụng vốn vay đúng Mục đích và định kỳ ngày 12 hàng tháng báo cáo tình hình thực hiện Khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Mẫu biểu số 02, 03 tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.</p>	<p>c) <b>Giám sát hiệu quả hoạt động của các phương án, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cấp tín dụng vượt giới hạn trong phạm vi quản lý nhà nước của mình.</b></p> <p>3. Tô chức tín dụng</p> <p>a) <b>Nghiêm túc thực hiện đúng các nội dung tại văn bản thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và ý kiến bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ về đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chỉ được sử dụng mức cấp tín dụng tối đa được phê duyệt cho từng dự án, phương án cụ thể đã đề nghị và được chấp thuận;</b></p> <p>b) <b>Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tổng hợp, tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng;</b></p> <p>c) <b>Chịu trách nhiệm về việc thẩm định, cấp tín dụng, kiểm tra, kiểm soát giám sát sau cho vay, thu hồi nợ vay (gốc và lãi), xử lý rủi ro (nếu có), theo quy định đối với khoản cấp tín dụng vượt giới hạn.</b></p> <p>d) <b>Giám sát chặt chẽ, đảm bảo việc khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích và định kỳ ngày 12 hàng tháng báo cáo tình hình thực hiện khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Mẫu biểu số 02, 03 tại</b></p>	<p>và nâng cao vai trò, trách nhiệm của các bộ, ngành liên quan trong việc tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD.</p> <p>- Chính sửa cho phù hợp với nội dung tại khoản 5, Điều 6 Quyết định này.</p> <p>- Chính sửa, hoàn thiện đề quy định rõ ràng, mạch lạc hơn.</p>
---	---	---

	Phụ lục đính kèm Quyết định này	
<p><b>Điều 8. Điều Khoản thi hành</b></p> <p>1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.</p> <p>2. Các trường hợp cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo các văn bản phê duyệt trước đó.</p> <p>3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.</p>	<p><b>Điều 8. Điều khoản thi hành</b></p> <p>1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2024</p> <p>2. Các trường hợp cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo các văn bản phê duyệt trước đó.</p> <p>3. Quyết định này thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg ngày 06/03/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.</p>	<p>Bổ sung quy định này để đảm bảo tính hiệu lực của Quyết định mới.</p>